

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7.34.02.01

Nghệ An, 2021

Số: *2033* /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày *10* tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO
theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo các ngành về việc xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ cho các ngành đào tạo (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 - 2022 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp;
Trưởng các trường, khoa, viện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: HCTH, ĐT



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	6
DANH SÁCH BẢNG.....	7
DANH SÁCH HÌNH.....	7
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	8
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
2.1. Thông tin chung	13
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	13
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	13
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	16
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	16
2.5.1. Tuyển sinh.....	16
2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp.....	17
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập	17
2.6.1 Thuyết trình.....	19
2.6.2 Vấn đáp	19
2.6.3 Thực hành	20
2.6.4 Hoạt động nhóm	20
2.6.5 Nghiên cứu tình huống	20
2.6.6 Đóng vai.....	20
2.6.7 Trò chơi.....	21
2.6.8 Đồ án.....	21
2.6.9 Giải quyết vấn đề	22
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	22
2.7.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập	24
2.7.2. Đánh giá hồ sơ học phần.....	24
2.7.3. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm.....	24
2.7.4. Đánh giá theo hình thức tự luận.....	25

2.7.5. Đánh giá theo hình thức thực hành.....	25
2.7.6. Đánh giá viết báo cáo	25
2.7.7. Đánh giá thuyết trình	25
2.8. Đánh giá kết quả học tập.....	25
2.8.1. Thang điểm đánh giá	25
2.8.2. Điểm đánh giá học phần	25
2.9. Đối sánh chương trình đào tạo	27
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	73
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	73
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT.....	74
3.3. Kế hoạch giảng dạy	76
3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học	79
3.5. Ma trận kỹ năng	81
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN.....	83
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	128
5.1. Trách nhiệm của Khoa/Trường	129
5.2. Trách nhiệm của giảng viên	129
5.3. Trách nhiệm của sinh viên	130
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN.....	131
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	136
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN.....	138

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	14
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	19
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT.....	24
Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần	26
Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần.....	26
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH với CDR của CTĐT	73
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT.....	74
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH	76

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	80
Hình 3.2. Ma trận kỹ năng.....	82

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Đến ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ “Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội.

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-

TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa Kinh tế được giao nhiệm vụ đào tạo 6 mã ngành Đại học chính quy hệ cử nhân kinh tế: Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư), Kinh tế nông nghiệp, Thương mại điện tử và 4 mã ngành đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học gồm Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế. Khoa Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân Thương mại điện tử.
- Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Đào tạo trình độ Tiến sĩ Kinh tế: chuyên ngành Quản lý kinh tế.
- Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.
- Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.
- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
- Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Kinh tế đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành Kế toán. Ngành Kế toán đã và đang tham gia đào tạo hơn 5.000 cử nhân chính quy, đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng

và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, xúc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành). Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân Tài chính - Ngân hàng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan, sinh viên tốt nghiệp chương trình ngành Tài chính - Ngân hàng có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động Tài chính - Ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Khoa Kinh tế có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 100%.

Trường Kinh tế đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có

chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành Kế toán có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Kinh tế.

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Tài chính - Ngân hàng
2.	Mã số ngành đào tạo:	7.34.02.01
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Tài chính- Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh
7.	Hình thức đào tạo:	Chính Quy - Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126 tín chỉ
9.	Thang điểm:	
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	10/9/2021
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Sinh viên tốt nghiệp ngành TCNH có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực TCNH, có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, có thái độ và phẩm chất của người làm lĩnh vực TCNH và có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến các hoạt động TCNH trong môi trường hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, tiếng anh và có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng

PO2: Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

PO3: Thể hiện các kỹ năng phẩm chất cá nhân, tự chịu trách nhiệm và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng

PO4: Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA
PLO1.1	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế.

TT	MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA
PLO1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
PLO1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề về hoạt động Tài chính - Ngân hàng
PLO2.1	Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
PLO2.2.	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
PLO3.1	Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả.
PLO3.2	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý
PLO3.3	Sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp và lĩnh vực kinh tế
PLO4.1	Phân tích bối cảnh xã hội và tổ chức.
PLO4.2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
PO1	✓	✓	✓							
PO2				✓	✓					
PO3						✓	✓	✓		
PO4									✓	✓

• **Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT**

1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
PLO1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế
1.1.1	<i>Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị</i>
1.1.2	<i>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</i>
1.1.3	<i>Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế</i>
PLO1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng

1.2.1	<i>Vận dụng</i> các kiến thức kinh tế học
1.2.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức về pháp luật trong kinh tế
1.2.3	<i>Vận dụng</i> kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý
PLO1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng
1.3.1	<i>Vận dụng</i> kiến thức tài chính
1.3.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức ngân hàng
2.	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
PLO2.1	Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2.1.1	<i>Thể hiện</i> kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2.1.2	<i>Thể hiện</i> kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức
2.1.3	<i>Thể hiện</i> kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề
2.1.4	<i>Thể hiện</i> kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ
PLO2.2	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2.2.1	<i>Thể hiện</i> tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế
2.2.2	<i>Thể hiện</i> đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp
2.2.3	<i>Thể hiện</i> công bằng và trách nhiệm xã hội
3.	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
PLO3.1	Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả
3.1.1	<i>Thực hiện</i> thành lập nhóm
3.1.2	<i>Tổ chức</i> hoạt động nhóm
3.1.3	<i>Phát triển</i> và lãnh đạo nhóm
PLO3.2	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý
3.2.1	<i>Xây dựng</i> cách thức giao tiếp
3.2.2	<i>Sử dụng</i> linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)
PLO3.3	Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế

3.3.1	<i>Sử dụng</i> Tiếng Anh bậc 3/6
3.3.2	<i>Sử dụng</i> Tiếng Anh trong trong lĩnh vực kinh tế
4.	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH TỔ CHỨC VÀ XÃ HỘI
PLO4.1	Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội
4.1.1	<i>Phân tích</i> được bối cảnh xã hội và môi trường
4.1.2	<i>Phân tích</i> được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức
PLO4.2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.1	<i>Hình thành</i> ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.2	<i>Xây dựng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.3	<i>Thực hiện</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.4	<i>Đánh giá</i> và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Các vị trí việc làm tại các tổ chức tín dụng như: chuyên viên khách hàng doanh nghiệp, chuyên viên khách hàng cá nhân, giao dịch viên, chuyên viên thanh toán quốc tế...; Trưởng/Phó các phòng chuyên môn, Phó Giám đốc/Giám đốc các phòng giao dịch...

- Các vị trí việc làm tại các doanh nghiệp như: chuyên viên tài chính, chuyên viên phân tích tài chính trong các doanh nghiệp, giám đốc phòng tài chính...Chuyên viên thẩm định giá tại công ty thẩm định giá, tư vấn và đầu tư chứng khoán, kinh doanh chứng khoán tại công ty chứng khoán

- Các vị trí việc làm tại cơ quan quản lý nhà nước như: Trưởng/Phó phòng, chuyên viên phòng tài chính.

- Các lĩnh vực khác như nghiên cứu viên và giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung tâm đào tạo về lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tham gia kỳ thi THPT Quốc gia hàng năm và đã tốt nghiệp THPT.

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Vinh.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 150 sinh viên/năm

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ 126 tín chỉ của CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Đạt yêu cầu về trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định,
- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định,
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất,
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Cũng như các chương trình khác, Chương trình đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Kể từ năm học 2017-2018, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, ngành Kế toán đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực sinh viên, nhấn mạnh các chuẩn đầu ra theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kỹ năng và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động nghề nghiệp trong môi trường hội nhập quốc tế.

Trường Đại học Vinh, Trường Kinh tế, Khoa Tài chính - Ngân hàng hướng dẫn người học sử dụng các tổ hợp các nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Theo tiếp cận CDIO, kì học đầu tiên sinh viên đã được học và thể hiện kiến thức, năng lực qua đồ án môn học Nhập môn ngành Kinh tế - ngày hội nhập môn. Ngoài việc học tập trên lớp học, Trường Đại học Vinh tổ chức tháng rèn nghề, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho từng ngành đào tạo và toàn trường để đánh giá được sự chuyển biến trong đổi mới PPDH theo CDIO, khả năng và trình độ, kĩ năng, nhận thức nghề nghiệp của SV để điều chỉnh nội dung, chương trình và

PPDH; bổ sung những kỹ năng nghiệp vụ cần trang bị cho SV; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho SV sau khi ra trường. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế cùng khoa Tài chính - Ngân hàng đã có những buổi hội thảo, trao đổi về đổi mới sáng tạo trong dạy và học theo tiếp cận CDIO tại các phòng học lớn hoặc hội trường A; tổ chức các sân chơi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng, Kết nối các doanh nghiệp và chương trình đi thực tế doanh nghiệp trong ngày cho các sinh viên năm 3 năm 4 nhằm phát triển năng lực sinh viên và nhìn nhận thực tế nghề nghiệp cho các em. Ngoài ra, hàng năm các giảng viên khoa Tài chính - Ngân hàng đã có những buổi seminar chuyên đề trao đổi các phương pháp giảng dạy đa dạng nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT; nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu các kiến thức; đưa bản kế hoạch và nội dung báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp của sinh viên xem xét việc nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu các kiến thức của sinh viên.

Hiện nay, Giảng viên và người học hài lòng với công nghệ dạy học, phương pháp dạy và học được sử dụng trong chương trình đào tạo. Hàng năm, Trường và khoa đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về vấn đề này để kịp thời chỉnh sửa bổ sung trong việc dạy và học. Phương pháp giảng dạy, hình thức, tài liệu, tác phong... của người giảng viên đều được SV đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ SV của Trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Trường tổng kết các đánh giá của SV, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng viên qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa, viện để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường như Quyết định số 1307/QĐ- ĐHV ngày 01 tháng 11 năm 2016. Hàng năm, trường đưa ra các kế hoạch và thông báo việc triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về sự hài lòng đối với cán bộ và các hoạt động nhà trường, cựu sinh viên về chương trình đào tạo, tổng hợp và báo cáo kết quả. Đa số SV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đạt được CDR. Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường Đại học Vinh để các bạn SV được kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp hoặc có vấn đề vướng mắc về chương trình học có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin này. Trong quá trình học tập, sinh viên và giảng viên được tương tác với nhau thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, elearning.

Bảng 2.2. Ảnh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Thuyết trình	√	√	√					√	√	
Vấn đáp	√	√	√					√		
Hoạt động nhóm				√	√	√	√	√		
Nghiên cứu tình huống	√	√	√						√	√
Đóng vai				√	√	√	√	√	√	√
Thực hành			√	√	√				√	√
Trò chơi				√	√	√	√	√		
Đồ án	√	√	√	√	√	√	√		√	√
Giải quyết vấn đề				√	√				√	√

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, kinh tế, xã hội, toán, khoa học tự nhiên, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, trò chơi, hoạt động nhóm. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, đóng vai, nghiên cứu các tình huống thực tiễn, giải quyết vấn đề và học dựa trên đồ án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các hoạt động kế toán trong đơn vị.

2.6.1 Thuyết trình

Thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói của người dạy để trình bày kiến thức mới hoặc tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Dạy học theo phương pháp thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà người học khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc; giúp người học hiểu được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyết vấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chính xác, rõ ràng, xúc tích thông qua cách trình bày của người dạy; tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của người học, vì có như vậy người học mới hiểu được lời giảng của người dạy và mới ghi nhớ được bài học. Ngoài ra, thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều người học trong cùng một lúc.

2.6.2 Vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng hệ thống câu hỏi để dẫn dắt người học giải quyết nhiệm vụ học tập. Dạy học theo phương pháp vấn đáp

nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, tổng kết và hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được; kích thích tư duy độc lập của người học, giúp người học hiểu nội dung học tập; lôi cuốn người học vào quá trình học tập, tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học; hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng của người học.

2.6.3 Thực hành

Thực hành được thực hiện tại phòng máy tính và được thiết kế trong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Thực hành được tiến hành sau các giờ học lý thuyết nhằm mục đích giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp; rèn luyện đức tính kiên trì.

2.6.4 Hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm là một trong những phương pháp dạy nhằm phát huy tính tích cực của người học, lấy hoạt động của người học làm trung tâm. Hoạt động nhóm là cách thức trao đổi ý kiến, quan điểm giữa người học trong một nhóm với nhau và trong một khoảng thời gian nhất định một về một vấn đề học tập hay một vấn đề của cuộc sống có liên quan đến nội dung học tập. Kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng. Hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và ý tưởng của cá nhân; tạo điều kiện cho người học có thể học hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giáo viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

2.6.5 Nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trong phương pháp dạy học này giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống dạy học, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

2.6.6 Đóng vai

Dạy học bằng phương pháp đóng vai là phương pháp dạy học dựa trên việc giao cho người học giải quyết một tình huống cụ thể thông qua đóng vai. Dạy học bằng

phương pháp đóng vai là một trong các phương pháp dạy học chủ động, ngày càng được ứng dụng rộng rãi, là phương pháp dạy học cơ bản và tốt nhất để dạy về kỹ năng giao tiếp - một kỹ năng cần thiết và quan trọng để người học hoạt động được trong một tập thể, cộng đồng. Qua đóng vai, người học có điều kiện ứng dụng lý thuyết, nguyên tắc đã học vào thực tế sinh động, đa dạng mà họ sẽ tiếp xúc sau này. Đồng thời qua đóng vai cũng rèn luyện cho người học ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường đã được làm quen với vai của người cán bộ sẽ đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, luyện tập năng lực giải quyết vấn đề theo cương vị mà người học sẽ đảm nhiệm sau này. Phương pháp này có các ưu điểm là sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, gây hứng thú và chú ý cho sinh viên, tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của sinh viên, khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của sinh viên theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

2.6.7 Trò chơi

Phương pháp dạy học trò chơi là phương pháp giảng viên thông qua việc tổ chức các trò chơi có liên quan đến nội dung bài học, có tác dụng phát huy tích cực nhận thức, gây hứng thú học tập cho sinh viên. Qua trò chơi sinh viên tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, đồng thời qua trò chơi phát triển tính tự giác. Trò chơi học tập làm thay đổi hình thức học tập làm cho không khí lớp học thoải mái và dễ chịu. Trò chơi giúp sinh viên biết cách nhìn nhận, phân tích, so sánh, khái quát kiến thức đã lĩnh hội trước đó. Phương pháp này giúp sinh viên khắc sâu kiến thức, kỹ năng vững chắc và giúp sinh viên chủ động học tập.

2.6.8 Đồ án

Học dựa vào trên đồ án là phương pháp tổ chức dạy học thông qua các dự án hay đề tài thực tế. Người học được tạo điều kiện để thực hiện mới hoặc làm lại các đề tài hay nội dung khoa học mà nhà nghiên cứu đã tiến hành, chẳng hạn như: xây dựng lại một bản thiết kế, lập kế hoạch, phát triển các ứng dụng phần mềm,... Theo đó, người học sẽ cảm thấy rất hứng thú bởi họ được tham gia gần như “trực tiếp” vào trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Chính vì thế, quá trình tiếp thu kiến thức cũng diễn ra một cách tích cực. Người học không những được tiếp cận với thông tin mới mà còn được rèn luyện kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, đọc hiểu, tóm tắt, và trình bày các vấn đề khoa học.

Phương pháp học dựa trên đồ án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên đồ án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học

theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong đề án. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO như: lập giả thiết, kỹ năng thiết kế - triển khai, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

2.6.9 Giải quyết vấn đề

Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là "tình huống gợi vấn đề" vì "Tư duy chỉ bắt đầu khi xuất hiện tình huống có vấn đề".

Tình huống có vấn đề là một tình huống gợi ra cho sinh viên những khó khăn về lí luận hay thực hành mà họ thấy cần có khả năng vượt qua, nhưng không phải ngay tức khắc bằng một thuật giải, mà phải trải qua quá trình tích cực suy nghĩ, hoạt động để biến đổi đối tượng hoạt động hoặc điều chỉnh kiến thức sẵn có.

Phương pháp này góp phần tích cực vào việc rèn luyện tư duy phê phán, tư duy sáng tạo cho sinh viên. Trên cơ sở sử dụng vốn kiến thức và kinh nghiệm đã có sinh viên sẽ xem xét, đánh giá, thấy được vấn đề cần giải quyết.

Đây là phương pháp phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, sinh viên sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất.

Thông qua việc giải quyết vấn đề, sinh viên được lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức ("giải quyết vấn đề" không còn chỉ thuộc phạm trù phương pháp mà đã trở thành một mục đích dạy học, được cụ thể hóa thành một mục tiêu là phát triển năng lực giải quyết vấn đề, một năng lực có vị trí hàng đầu để con người thích ứng được với sự phát triển của xã hội).

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD - ĐT, tháng 4 năm 2013, Trường Đại học Vinh đã Ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh. Trong chương 3 đã quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần, cách tổ hợp điểm học phần (điểm học phần được tổ hợp từ các điểm đánh giá bộ phận với trọng số: điểm chuyên cần (10%), điểm giữa kỳ (20%), điểm thi kết thúc học phần (70%). Quy định

các công thức tính điểm học phần đối với các học phần không có và có thực hành và quy định về đánh giá kết quả học tập của SV đối với một số môn học đặc thù (GDQP, GDTC). Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng. Từ kỳ 2 năm học 2015 - 2016, Trường Đại học Vinh đã thực hiện thí điểm việc đánh giá giữa kỳ một số học phần theo hình thức testonline, NH được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do Nhà trường xây dựng.

Đối với CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tăng cường đánh giá đúng năng lực, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Nhà trường đã có sự thay đổi trong đánh giá các học phần, cụ thể đưa thêm điểm đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) vào thành phần điểm đánh giá với trọng số 20% và giảm trọng số điểm thi cuối học phần từ 70% xuống 50%. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các quy định xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc trện ngân hàng đề thi để đảm bảo độ bảo phủ chương trình và đánh giá đúng năng lực SV. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức các khóa tập huấn để hướng dẫn qui trình xây dựng ngân hàng đề thi và các hình thức đánh giá kết quả học tập cho sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác KTĐG.

Căn cứ vào các quy định nhà Trường, ngành Tài chính - Ngân hàng đã thực hiện xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo tiếp cận CDIO, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CDR của CTĐT, CDR học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực. Đồng thời, ngành Kế toán đã thực hiện xây dựng Ngân hàng đề thi học phần trên cơ sở xây dựng Bản đặc tả, sau đó thiết kế hệ thống câu hỏi theo 5 mức độ đánh giá và xây dựng ma trận đề thi cho đề thi giữa kỳ, đề thi cuối kỳ và bắt đầu được áp dụng cho khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017). Trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần đại cương. Đặc biệt, Khoa đã triển khai xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thực hành cho một số học phần thực hành của CTĐT, các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên. Khi thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi học phần, Bộ môn căn cứ vào chuyên môn giảng dạy để thực hiện phân công xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm

giảng viên. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu ngân hàng đề thi từng học phần.

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của CTĐT									
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Rubrics				√	√		√	√		
Thuyết trình nhóm	Rubrics				√	√	√	√		√	√
Thi thực hành máy tính	Đáp án	√	√	√	√						√
Thi trắc nghiệm khách quan	Đáp án	√	√	√					√		
Thi vấn đáp	Đáp án	√	√	√							
Báo cáo tiểu luận	Rubrics	√	√	√	√		√				√
Bảo vệ đồ án	Rubrics	√	√	√	√	√	√	√		√	√
Thi tự luận	Đáp án	√	√	√	√				√		

2.7.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực tập/đồ án.¹⁷

2.7.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm (được đánh giá theo các tiêu chí trong Bảng Rubric 3). Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

2.7.3. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn

định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

2.7.4. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

2.7.5. Đánh giá theo hình thức thực hành

Sinh viên phải thực hiện các chương trình / phần mềm trên máy tính liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric 4.

2.7.6. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 5.

2.7.7. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric 6.

2.8. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

2.8.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng 2.4.

2.8.2. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 2.5.

Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 - 10	4.0
B+	8.0 - 8.4	3.5
B	7.0 - 7.9	3.0
C+	6.5 - 6.9	2.5
C	5.5 - 6.4	2.0
D+	5.0 - 5.4	1.5
D	4.0 - 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
1. Đánh giá quá trình	50%
<i>1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập</i> - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
<i>1.2. Đánh giá hồ sơ học phần</i> - Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .v.v. - Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	20%
<i>1.3. Đánh giá giữa kỳ</i> - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - Học phần chỉ có lý thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...) - Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	50%

3. Công thức tính điểm học phần

3.1. Học phần chỉ có lý thuyết

Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a \times 0.1 + a_1 \times 0.2 + a_2 \times 0.2 + a_4 \times 0.5.$$

Trong đó, a: điểm học phần; a₁: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a₂: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a₃: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a₄: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.

3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án

- Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + (a_4 \times m + a_5 \times n) \times 0.5 / (m + n).$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a₂: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a₃: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a₄: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a₅: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3.4. Học phần thực tập cuối khóa:

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a₂: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

Liệt kê cách đánh giá kết quả học tập của sinh viên như thành phần đánh giá, thang điểm đánh giá. (Theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh).

2.9. Đối sánh chương trình đào tạo

Bảng 1: Đối sánh mục tiêu với văn bản nhà nước theo hướng dẫn nhà trường

	Dự thảo Mục tiêu chương trình đào tạo	Đối sánh các văn bản của nhà nước		
		Tâm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh	Luật giáo dục đại học năm 2018 (Số: 42/VBHN-VPQH)	Mô tả nội dung trình độ Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)
Mục tiêu chương trình đào tạo	Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế	- Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi hợp tác - sáng tạo là năng lực cốt lõi của cá nhân - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.	- Phù hợp với Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật giáo dục 2. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ 4 đại học, thạc sĩ, tiến sĩ: a)5 (<i>được bãi bỏ</i>) b) Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;	-Phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 QĐ 1982 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia
Mục tiêu cụ thể:	PO1: Áp dụng được kiến thức cơ bản và chuyên sâu để giải	- Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh:	- Phù hợp với Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật giáo	-Phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 QĐ 1982 về phê duyệt Khung

	<p>quyết các vấn đề về lĩnh vực tài chính - ngân hàng.</p> <p>PO2: <i>Thể hiện</i> được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, định hướng phát triển nghề nghiệp</p> <p>PO3: <i>Thể hiện</i> được kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và lời nói, có thể hoạt động như một thành viên hoặc lãnh đạo của một nhóm</p> <p>PO4: <i>Hình thành</i> ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế</p>	<p>Trường Đại học Vinh coi hợp tác - sáng tạo là năng lực cốt lõi của cá nhân</p> <p>- Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.</p>	<p>dục</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ 4 đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:</p> <p>a) 5 (<i>được bãi bỏ</i>)</p> <p>b) Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;</p>	<p>trình độ quốc gia</p>
--	--	--	---	--------------------------

Bảng 2: Đối sánh mục tiêu với các trường trong nước

Trường	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science
Mục tiêu	Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, có thái độ và phẩm chất của người làm lĩnh vực tài chính - ngân hàng và có khả năng hình thành ý tưởng,	Đào tạo cử nhân ngành tài chính - ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hóa và sức khỏe tốt, nắm vững những nguyên lý, quy luật tự nhiên, xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội; có kiến thức nền tảng về tài chính - ngân hàng nói chung, vừa có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp của từng chuyên ngành nói riêng ở các cấp độ khác nhau, từ thực hành tác nghiệp đến hoạch định chính sách và quản lý; có năng lực nghiên cứu và thực hành, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng; thích ứng với điều kiện môi trường luôn thay đổi và đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội	Chương trình đào tạo được tập trung hóa vào 3 mục tiêu: Đào tạo Cử nhân kinh tế ngành tài chính-ngân hàng nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội và chuyên sâu về tài chính-ngân hàng; - Có đầy đủ các kỹ năng chuyên môn nhằm vận dụng kiến thức được học để nghiên cứu, phân tích, hoạch định, giải quyết vấn đề, ra quyết định phục vụ cho công việc tác nghiệp, lãnh đạo, quản lý hiệu quả trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng; - Có phẩm chất đạo đức và khả năng tư duy tốt và có đầy đủ các kỹ năng cần thiết	Bằng Cử nhân Tài chính Ngân hàng sẽ cung cấp cho bạn các kỹ năng thực tế và kỹ năng phân tích. Nó bao gồm các khái niệm chính về ngân hàng, tài chính và cách đánh giá nhu cầu tài chính của các công ty, chính phủ và cá nhân và kết hợp chúng với các sản phẩm tài chính phù hợp. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ học về lưu thông tiền, cấp tín dụng, đầu tư, mua tài chính và cung cấp các tiện ích ngân hàng. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ có cơ hội việc làm trong môi trường tài chính ngân hàng, đảm nhiệm các	https://www.lse.ac.uk/study-at-lse/Undergraduate/Degree-programmes-2019/BSc-Finance Chương trình sẽ trang bị cho sinh viên nền tảng tài chính vững chắc và các kỹ năng định lượng cần thiết, cũng như dạy sinh viên sử dụng các kỹ thuật tài chính để ra quyết định tài chính. Sinh viên sẽ học cách suy nghĩ phân tích và đánh giá nghiêm túc các

	xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế	nhập quốc tế.	nhằm phát triển nghề nghiệp trong môi trường toàn cầu.	vai trò như quản lý danh mục đầu tư, ngân hàng kinh doanh, quản lý quỹ hoặc tư vấn cho vay.	vấn đề quan trọng trong tài chính từ nhiều khía cạnh khác nhau. Sinh viên học cách áp dụng các phương pháp phân tích trong tài chính và kinh tế tài chính mà bạn đã học vào một loạt các vấn đề tài chính trong thực tiễn.
--	---	---------------	--	---	--

Bảng 3: Đối sánh chuẩn đầu ra trước và sau khi điều chỉnh

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>		<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	
Ký hiệu CDR	Chủ đề chuẩn đầu ra CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng	Ký hiệu CDR	Chủ đề chuẩn đầu ra CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	I	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	PLO1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế
1.1.1	<i>Hiểu biết các vấn đề về lý luận chính trị</i>	1.1.1	<i>Giải thích các vấn đề về lý luận khoa học chính trị</i>
1.1.2	<i>Sử dụng tiếng Anh</i>	1.1.2	<i>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</i>
1.1.3	<i>Sử dụng kiến thức toán học giải quyết các vấn đề kinh tế</i>	1.1.3	<i>Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong kinh tế</i>
1.1.4	<i>Ứng dụng tin học trong kinh tế</i>		
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	PLO1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
1.2.1	<i>Hiểu biết và áp dụng các kiến thức kinh tế học</i>	1.2.1	<i>Vận dụng các kiến thức kinh tế học</i>
1.2.2	<i>Nắm vững kiến thức về pháp luật trong kinh tế</i>	1.2.2	<i>Vận dụng kiến thức về pháp luật trong kinh tế</i>
1.2.3	<i>Áp dụng các kiến thức về kế toán</i>	1.2.3	<i>Vận dụng các kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý</i>
1.2.4	<i>Áp dụng kiến thức về tài chính - tiền tệ</i>		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>		<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	
1.2.5	<i>Vận dụng các kiến thức kinh doanh và quản lý</i>		
1.3	Kiến thức chuyên ngành	PLO1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành kế toán để lập luận, phân tích, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán
1.3.1	<i>Vận dụng kiến thức tài chính</i>	1.3.1	<i>Vận dụng kiến thức tài chính</i>
1.3.2	<i>Vận dụng kiến thức ngân hàng</i>	1.3.2	<i>Vận dụng kiến thức ngân hàng</i>
1.3.3	<i>Vận dụng kiến thức chứng khoán</i>		
1.3.4	<i>Vận dụng kiến thức thẩm định giá</i>		
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	II	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	PLO2.1	Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2.1.1	<i>Nhận dạng và xác định vấn đề kinh tế/kinh doanh</i>	2.1.1	<i>Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</i>
2.1.2	<i>Tổng quát hóa vấn đề kinh tế/kinh doanh</i>	2.1.2	<i>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức</i>
2.1.3	<i>Tổ chức thực hiện vấn đề kinh tế/kinh doanh</i>	2.1.3	<i>Thể hiện kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề</i>
2.1.4	<i>Đánh giá vấn đề kinh tế/kinh doanh</i>	2.1.4	<i>Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực</i>

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>		<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	
			hiện hiệu quả nhiệm vụ
2.1.5	<i>Cải tiến</i> vấn đề kinh tế/kinh doanh		
2.2	Nghiên cứu khám phá kiến thức	PLO2.2	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2.2.1	<i>Hình thành</i> giả thuyết	2.2.1	<i>Thể hiện</i> tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế
2.2.2	<i>Chọn lọc</i> thông tin qua các tài liệu	2.2.2	<i>Thể hiện</i> đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp
2.2.3	<i>Triển khai</i> khảo sát từ thực tế	2.2.3	<i>Thể hiện</i> công bằng và trách nhiệm xã hội
2.2.4	<i>Kiểm chứng</i> và bảo vệ giả thuyết		
2.3	Tư duy hệ thống		
2.3.1	<i>Phác thảo</i> tổng thể vấn đề		
2.3.2	<i>Xác định</i> những vấn đề phát sinh và tương tác trong hệ thống		
2.3.3	<i>Chọn lọc</i> sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm		
2.3.4	<i>Phân tích</i> ưu nhược điểm và đề xuất giải pháp hợp lý		
2.4	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân		
2.4.1	<i>Thể hiện</i> sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro		
2.4.2	<i>Thể hiện</i> tính kiên trì và linh hoạt		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>		<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	
2.4.3	<i>Thể hiện tư duy sáng tạo</i>		
2.4.4	<i>Thể hiện tư duy phản biện</i>		
2.4.5	<i>Có khả năng tự nhận thức bản thân</i>		
2.4.6	<i>Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực</i>		
2.4.7	<i>Có khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế</i>		
2.4.8	<i>Có khả năng học tập suốt đời</i>		
2.5	Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp		
2.5.1	<i>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp</i>		
2.5.2	<i>Thể hiện hành xử chuyên nghiệp</i>		
2.5.3	<i>Lập kế hoạch nghề nghiệp</i>		
2.5.4	<i>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</i>		
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	III	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
3.1	Làm việc nhóm	PLO3.1	Tổ chức và phát triển hoạt động nhóm để làm việc linh hoạt với các nhóm khách hàng, đồng nghiệp, đối tác đa dạng và phức tạp
3.1.1	<i>Thực hiện thành lập nhóm</i>	3.1.1	<i>Thực hiện thành lập nhóm</i>
3.1.2	<i>Tổ chức hoạt động nhóm</i>	3.1.2	<i>Tổ chức hoạt động nhóm</i>
3.1.3	<i>Có khả năng phát triển và lãnh đạo nhóm</i>	3.1.3	<i>Phát triển và lãnh đạo nhóm</i>
3.1.4	<i>Có khả năng làm việc trong các nhóm đa ngành</i>		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>		<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	
3.2	Giao tiếp	PLO3.2	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý
3.2.1	<i>Xây dựng</i> chiến lược giao tiếp	3.2.1	<i>Xây dựng</i> cách thức giao tiếp
3.2.2	<i>Áp dụng</i> giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện	3.2.2	<i>Sử dụng</i> linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)
3.2.3	<i>Có khả năng</i> thuyết trình hiệu quả		
3.2.4	<i>Có khả năng</i> phát triển các mối quan hệ xã hội		
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	PLO3.3	Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế
3.3.1	<i>Có khả năng</i> đọc tài liệu	3.3.1	<i>Sử dụng</i> Tiếng Anh bậc 3/6
3.3.2	<i>Có khả năng</i> viết báo cáo và trình bày vấn đề đơn giản	3.3.2	<i>Sử dụng</i> Tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế
3.3.3	<i>Có khả năng</i> giao tiếp cơ bản		
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG - QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO	IV	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG
4.1	Bối cảnh xã hội và môi trường	PLO4.1	Phân tích bối cảnh tổ chức

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>		<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	
			và xã hội
4.1.1	<i>Hiểu biết</i> vai trò, trách nhiệm của người làm Kế toán đối với xã hội	4.1.1	<i>Phân tích</i> được bối cảnh xã hội và môi trường
4.1.2	<i>Hiểu biết</i> các quy định của Nhà nước về lĩnh vực kinh tế	4.1.2	<i>Phân tích</i> được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức
4.1.3	<i>Nắm bắt</i> các vấn đề mang tính thời sự		
4.1.4	<i>Nhận định</i> bối cảnh hội nhập quốc tế		
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh	PLO4.2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.1	<i>Hiểu biết</i> sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	4.2.1	<i>Hình thành ý tưởng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.2	<i>Phân tích</i> mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh	4.2.2	<i>Xây dựng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.3	<i>Đánh giá</i> khả năng phát triển cơ hội kinh doanh	4.2.3	<i>Thực hiện</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.4	<i>Hiểu biết</i> các vị trí, môi trường làm việc khác nhau của doanh nghiệp	4.2.4	<i>Đánh giá</i> và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.3	Hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng		
4.3.1	<i>Xác định</i> các mục tiêu của hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.3.2	<i>Xây dựng</i> chức năng, nhiệm vụ của hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.3.3	<i>Mô hình hóa</i> ý tưởng của hoạt động		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>		<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	
	tài chính - ngân hàng		
4.4.4	<i>Lập kế hoạch</i> quản lý hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.4	Xây dựng hoạt động Tài chính - Ngân hàng		
4.4.1	<i>Xây dựng</i> quy trình hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.4.2	<i>Lựa chọn</i> cách tiếp cận quy trình hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.4.3	<i>Áp dụng</i> kiến thức trong hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.4.4	<i>Vận dụng</i> kiến thức dự án chuyên ngành		
4.4.5	<i>Xây dựng</i> dự án đa ngành		
4.4.6	<i>Xây dựng</i> dự án đa mục tiêu		
4.5	Thực hiện hoạt động Tài chính - Ngân hàng		
4.5.1	<i>Lựa chọn</i> nguồn lực thực hiện hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.5.2	<i>Có khả năng</i> tổ chức thực hiện hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.5.3	<i>Có khả năng</i> quản lý hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.6	Đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng		
4.6.1	<i>Thiết kế</i> tiêu chuẩn đánh giá hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.6.2	<i>Đánh giá</i> phương án hoạt động tài chính - ngân hàng		
4.6.3	<i>Điều chỉnh/Cải tiến</i> phương án hoạt động tài chính - ngân hàng		

**Bảng 4: Đối sánh chuẩn đầu ra với văn bản nhà nước
theo hướng dẫn nhà trường**

NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN
Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng</i>
KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
<p>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế</p> <p><i>Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị</i></p> <p><i>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</i></p> <p><i>Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
<p>Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Vận dụng các kiến thức kinh tế học</i></p> <p><i>Vận dụng kiến thức về pháp luật trong kinh tế</i></p> <p><i>Vận dụng kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức cơ bản về quản lý điều hành hoạt động chuyên môn
<p>Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Vận dụng kiến thức tài chính</i></p> <p><i>Vận dụng kiến thức ngân hàng</i></p>	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo
KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
<p>Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</i></p> <p><i>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế

NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN
<p>phá tri thức</p> <p><i>Thể hiện</i> kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề</p> <p><i>Thể hiện</i> kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ</p> <p>Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Thể hiện</i> tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế</p> <p><i>Thể hiện</i> đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp</p> <p><i>Thể hiện</i> công bằng và trách nhiệm xã hội</p>	<p>trong các điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm.</p>
<p>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</p>	
<p>Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả</p> <p><i>Thực hiện</i> thành lập nhóm</p> <p><i>Tổ chức</i> hoạt động nhóm</p> <p><i>Phát triển</i> và lãnh đạo nhóm</p>	<p>- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm</p> <p>- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm</p> <p>- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ được xác định</p>
<p>Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý</p> <p><i>Xây dựng</i> cách thức giao tiếp</p> <p><i>Sử dụng</i> linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)</p>	<p>Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp</p>
<p>Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong</p>	<p>Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6</p>

NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN
lĩnh vực kinh tế Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6 Sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế	Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	
Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội <i>Phân tích</i> được bối cảnh xã hội và môi trường <i>Phân tích</i> được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng <i>Hình thành ý tưởng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng <i>Xây dựng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng <i>Thực hiện</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng <i>Đánh giá</i> và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

Bảng 5: Đối sánh chuẩn đầu ra với các trường quốc tế

TT	CĐR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
1	KIẾN THỨC C	<p>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế</p> <p><i>Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị</i></p> <p><i>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</i></p> <p><i>Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế</i></p> <p>Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế</p>	<p>A. Kiến thức nền tảng về kinh doanh</p> <p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các lĩnh vực tài chính ngân hàng và tác động của chúng đối với việc ra quyết định trong các tổ chức tài chính ngân hàng đó</p> <p>B. Kiến thức chuyên sâu</p> <p>Những kiến thức này sẽ phát triển năng lực</p>	<p>Kiến thức sinh viên phải học:</p> <p>Giới thiệu về Tài chính</p> <p>Các yếu tố của Kế toán Tài chính</p> <p>Lý thuyết thống kê sơ cấp</p> <p>Phương pháp toán học</p> <p>LSE100: những yếu tố cơ bản của tư duy như một nhà khoa</p>	<p>Sinh viên bắt buộc phải học các học phần bắt buộc sau:</p> <p>Năm 1:</p> <p>Giới thiệu về Kế toán Tài chính (30 tín chỉ)</p> <p>Giới thiệu về Kế toán Quản trị (30 tín chỉ)</p> <p>Phát triển Cá nhân và Nghề nghiệp 1 (Kế toán) (15 tín chỉ)</p>	<p>1. International Banking and Finance Course - Centennial College</p> <p>https://www.centennialcollege.ca/programs-courses/full-time/course/international-banking-and-finance/</p> <p>2. BSc (Hons) Banking, Finance and Investment University of South Wales</p> <p>https://www.southwales.edu.uk/courses/banking-and-finance/</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p>trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng <i>Vận dụng</i> các kiến thức kinh tế học <i>Vận dụng</i> kiến thức về pháp luật trong kinh tế <i>Vận dụng</i> kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng <i>Vận dụng</i> kiến thức tài</p>	<p>của sinh viên như một chuyên gia có thể áp dụng kiến thức về tài chính ngân hàng để cung cấp các giải pháp dựa trên kỹ luật cho doanh nghiệp. Sinh viên sẽ có những kiến thức đáp ứng các yêu cầu và được công nhận tại các đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên nghiệp này C. Thực hành nghề nghiệp</p>	<p>học xã hội. Kinh tế học Nguyên tắc tài chính Hệ thống tài chính và khủng hoảng Tài chính vĩ mô Nguyên tắc kinh tế lượng Sự bất thường của thị trường và quản lý tài sản Các lý thuyết về tài chính Doanh nghiệp Quản lý rủi ro và mô hình hóa Tài chính doanh</p>	<p>Phương pháp định lượng (15 tín chỉ) Giới thiệu về Tài chính và Kinh tế (30 tín chỉ) Năm 2 Con đường tương lai Ngân hàng: Nguyên tắc, Thực hành và Quy định (30 tín chỉ) Quản lý Tài chính Kinh doanh (30 tín chỉ) Thị trường tài chính,</p>	<p>ac.uk/courses/bsc-hons-banking-finance-and-investment-top-up/ 3. BS Banking and Finance Curtin Singapore https://curtin.edu.sg/courses/undergraduate/bachelor-of-commerce/banking-and-finance/ 4. BSc (Hons) Banking and Finance University of Essex https://www.kaplan.com.sg/course/bachelor/acco</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p>chính</p> <p><i>Vận dụng</i> kiến thức ngân hàng</p>	<p>Củng cố kiến thức và kỹ năng của sinh viên có được thông qua nghiên cứu khóa học của sinh viên và cung cấp kinh nghiệm trong các quy trình đa ngành và ra quyết định.</p> <p>D. Những môn tự chọn miễn phí sẽ cho phép sinh viên nâng cao kiến thức của mình về ngân hàng và tài chính, hoặc kinh doanh rộng hơn, hoặc</p>	<p>nghiệp ứng dụng</p> <p>Kinh tế tài chính nâng cao</p>	<p>công cụ và tổ chức (30 tín chỉ)</p> <p>Sinh viên được yêu cầu chọn 30 tín chỉ từ danh sách các lựa chọn này. Thuế (30 tín chỉ)</p> <p>Nguyên tắc cơ bản về FinTech (30 tín chỉ)</p> <p>Luật Doanh nghiệp và Công ty (30 tín chỉ)</p> <p>Năm 3</p> <p>Tài chính Doanh nghiệp Quốc tế (30</p>	<p>unting-banking-finance/bachelor-science-honours-banking-finance/?versionb=1#full-time</p> <p>5. Bachelor of Science (Hons) in Business Studies and Finance Bangor University</p> <p>https://www.mdis.edu.sg/bachelor-of-science-hons-in-business-studies-and-finance</p> <p>6. BS in Finance Northeastern Illinois</p>

TT	CĐR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
			chọn các đơn vị từ khắp trường Đại học mà sinh viên đủ điều kiện đăng ký.		<p>tín chỉ)</p> <p>Quản lý đầu tư (30 tín chỉ)</p> <p>Phương pháp nghiên cứu định lượng (15 tín chỉ)</p> <p>Dự án Nghiên cứu Tài chính Định lượng (15 tín chỉ)</p> <p>Sinh viên được yêu cầu chọn 30 tín chỉ từ danh sách các lựa chọn này.</p> <p>Đạo đức và Quản trị Doanh nghiệp (30 tín chỉ)</p>	<p>University</p> <p>https://www.neiu.edu/academics/college-of-business-and-management/department/s/accounting-business-law-and-finance/finance-bs</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
					Giao dịch trên thị trường tài chính (30 tín chỉ) Quản lý rủi ro tài chính (30 tín chỉ)	
2	PHÂN CHẤ T KỸ NĂNG NẴNG NẴNG LỰC	Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng <i>Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</i> <i>Thể hiện kỹ năng nghiên</i>	Kỹ năng phẩm chất cá nhân: 1.Kỹ năng đưa ra các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề 2.Áp dụng các kỹ năng nghiên cứu cho các thách thức kinh doanh 3. Giao tiếp hiệu quả	Một số kỹ năng 1. Đạo đức nghề nghiệp 2. Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân 3. Khả năng giao tiếp 4. Khả năng phân tích 5. Kỹ năng giải	Một số kỹ năng: 1. Nhạy bén trong kinh doanh 2. Lãnh đạo và ảnh hưởng 3. Làm việc theo nhóm 4. Kỹ năng giao tiếp 5. Kỹ năng ứng dụng toán học	

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p>cứu tài liệu và khám phá tri thức</p> <p><i>Thể hiện</i> kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề</p> <p><i>Thể hiện</i> kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ</p> <p>Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Thể hiện</i> tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế</p>	<p>và có tri giác</p> <p>4. Tham gia vào một thế giới quốc tế hóa</p> <p>5. Thể hiện năng lực đa văn hóa</p> <p>6. Thể hiện các giá trị đạo đức nghề nghiệp</p> <p>7. Thể hiện sự hiểu biết về việc ra quyết định đa ngành trong các tổ chức thông qua việc áp dụng kiến thức từ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.</p>	<p>quyết vấn đề</p> <p>6. Kiến thức về phần mềm CNTT</p> <p>7. Kinh nghiệm quản lý</p> <p>8. Sự nhạy bén trong thương mại</p> <p>9. Năng lực đổi mới</p>	<p>6. Kỹ năng giải quyết vấn đề</p> <p>7. Kỹ năng kết nối tạo mạng lưới phát triển quan hệ</p> <p>8. Khả năng phục hồi</p>	

TT	CĐR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p><i>Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp</i> <i>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</i> KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả <i>Thực hiện thành lập nhóm</i> <i>Tổ chức hoạt động nhóm</i> <i>Phát triển và lãnh đạo nhóm</i> Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý <i>Xây dựng cách thức giao</i></p>				

TT	CĐR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p>tiếp</p> <p><i>Sử dụng</i> linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội</p> <p><i>Phân tích</i> được bối cảnh xã hội và môi trường</p>				

TT	CĐR	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p><i>Phân tích</i> được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức</p> <p>Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Hình thành ý tưởng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Xây dựng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Thực hiện</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Đánh giá và cải tiến</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p>				

Bảng 6: Đối sánh chuẩn đầu ra với các trường trong nước

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
1	KIẾN THỨC	<p>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế</p> <p><i>Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị</i></p> <p><i>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</i></p> <p><i>Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế</i></p> <p>Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Vận dụng các kiến thức</i></p>	<p>- Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị pháp luật; có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyên môn của lĩnh vực tài chính - ngân hàng</p> <p>- Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội nói chung và lĩnh vực tài chính - tiền tệ - ngân hàng nói riêng</p> <p>- Có kiến thức thực</p>	<p>- Kiến thức chung về kinh tế-xã hội</p> <p>+ Thể hiện hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng;</p> <p>+ Thể hiện hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học xã hội làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng.</p> <p>- Kiến thức chuyên môn sâu về tài chính-ngân hàng</p> <p>+ Thể hiện đủ kiến thức</p>	<p>- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến ngành tài chính ngân hàng:</p> <p>- Biết, hiểu, phân tích được những nguyên lí, kiến thức cơ bản</p>	<p>- Nắm vững những kiến thức về Kinh tế và Quản trị kinh doanh như: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế lượng, nguyên lý thống kê, nguyên lý kế toán, marketing căn bản.</p> <p>- Có kiến thức về pháp luật, nhất là các quy định của pháp luật trực tiếp điều chỉnh hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ngân hàng.</p> <p>- Nắm vững và vận</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>kinh tế học</p> <p><i>Vận dụng</i> kiến thức về pháp luật trong kinh tế</p> <p><i>Vận dụng</i> kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý</p> <p>Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Vận dụng</i> kiến thức tài chính</p> <p><i>Vận dụng</i> kiến thức ngân hàng</p>	<p>tiền vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và chuyên sâu của chuyên ngành tài chính - ngân hàng thương mại và tài chính công: biết vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cụ thể, phức tạp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng</p> <p>- Có kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý</p>	<p>để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về thị trường tài chính, đầu tư tài chính, quản trị tài chính;</p> <p>+ Thể hiện đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tài khóa, chính sách công, quản lý ngân sách nhà nước;</p> <p>+ Thể hiện đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương, quản trị các trung gian tài chính.</p>	<p>về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>- Nắm vững kiến thức về hệ thống tài chính, ngân hàng của Việt Nam, đối chiếu với hệ thống tài chính, ngân hàng quốc tế để vận dụng cho hệ thống doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài Việt Nam.</p> <p>- Phân tích, đánh giá, vận dụng được những</p>	<p>dụng được vào thực tiễn các kiến thức về tài chính - ngân hàng hiện đại: Lý thuyết tài chính- Tiền tệ; Tài chính quốc tế; Quản trị kinh doanh ngân hàng; Thanh toán quốc tế; Kinh doanh ngoại hối;</p> <p>Kinh doanh bảo hiểm; Thuế; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường chứng khoán và Ngân hàng Trung ương hiện đại.</p> <p>- Vận dụng một cách vững vàng các</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<p>kiến thức cơ bản của khoa học quản lí trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.</p> <p>- Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, luật pháp... trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, góp phần xây dựng hệ thống tài chính và ngân hàng Việt Nam cập nhật và tiệm cận với chuẩn mực chung của quốc tế, ngoài ra cần quan tâm đến những vấn đề liên quan đến bảo</p>	<p>kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ Tài chính - Ngân hàng và nắm vững các chính sách, chế độ, cơ chế, quy chế, quy trình của nghiệp vụ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<p>vệ môi trường trong ngành ngân hàng như đầu tư vào các dự án xanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp: - Nắm vững nguyên lý chung của hoạt động tài chính, ngân hàng, nguyên tắc lập các báo cáo tài chính. - Nắm vững và vận dụng các kỹ năng phân tích báo cáo tài 	

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<p>chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững và vận dụng các kiến thức tài chính quản trị trong doanh nghiệp để hỗ trợ nhà quản lý doanh nghiệp trong quá trình ra quyết định. - Nắm vững và vận dụng các kiến thức căn bản của hoạt động tài chính, các văn bản quy định của pháp luật về yêu cầu vốn và tài sản của ngân hàng. - Nắm vững và vận 	

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<p>dụng các kiến thức căn bản của hoạt động đầu tư và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán trong ngân hàng và doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững và vận dụng các kiến thức căn bản của hoạt động ngân hàng thương mại, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý tín dụng, xử lý nợ xấu, đạo đức nghề nghiệp và quản lý tài sản nợ có. - Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành sâu là tài 	

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<p>chính: sinh viên hiểu và có kiến thức sâu về hệ thống tài chính, thị trường chứng khoán, quản trị tài chính, quản trị danh mục đầu tư, có kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro tài chính.</p> <p>- Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành là ngân hàng: sinh viên hiểu và có kiến thức sâu về hệ thống tài chính- ngân hàng, thị trường chứng khoán, quản trị ngân hàng, quản trị nguồn vốn, quản lý tín dụng, có kiến thức</p>	

TT	CĐR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<p>ơ bản về quản trị rủi ro hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro thị trường tài chính, quản trị rủi ro tín dụng.</p>	
2	PHẨM CHẤT	<p>Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</i></p> <p><i>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức</i></p>	<p>- Nắm vững và chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và pháp luật về tài chính - Ngân hàng nói riêng</p> <p>- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy giá trị văn hóa của đơn vị nơi</p>	<p>Trách nhiệm cá nhân và cộng đồng</p> <p>+ Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, biết lựa chọn các nội dung mang tính đạo đức để trau dồi học tập và phát triển bản thân;</p> <p>+ Thể hiện tinh thần và ý thức trách nhiệm tham gia vào các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng trên phạm vi quốc gia, khu vực và toàn cầu;</p> <p>+ Thể hiện khả năng</p>	<p>- Phẩm chất đạo đức cá nhân:</p> <p>+ Có lối sống lành mạnh.</p> <p>+ Tự tin khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài.</p> <p>+ Linh hoạt, khéo léo, tinh tế khi thực hành nghề & xử lý tình huống.</p> <p>+ Chăm chỉ, có tinh</p>	<p>- Phẩm chất đạo đức cá nhân tốt như: Tự tin không chỉ trong công việc liên quan đến tài chính - ngân hàng, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn tài chính - ngân hàng, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, tinh thần tự tôn,</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p><i>Thể hiện</i> kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề</p> <p><i>Thể hiện kỹ năng quản lý</i> thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ</p> <p>Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Thể hiện</i> tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế</p> <p><i>Thể hiện</i> đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp</p>	<p>công tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đạo đức, lối sống lành mạnh, có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân, tôn trọng những chuẩn mực đạo đức trong xã hội, có ý thức bảo vệ môi trường. - Có lòng yêu nghề, yêu lao động, có các phẩm chất cá nhân như: tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, phản biện, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa. 	<p>nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề mang tính cộng đồng, xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện ý thức và trách nhiệm tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí lực. - Khả năng học tập suốt đời + Thể hiện kỹ năng học, tự học và nghiên cứu; + Thể hiện tinh thần ham học hỏi và có khả năng sử dụng công nghệ mới; + Thể hiện kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp. 	<p>thần học hỏi, cầu tiến và đặt mục tiêu cho bản thân.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt tình và say mê công việc. + Điềm tĩnh, tự chủ khi ra quyết định. - Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp + Độc lập: Không bị chi phối hoặc tác động bởi lợi ích vật chất, tinh thần làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan và độc lập trong nghề nghiệp. - Chính trực: Thẳng thắn, trung thực và có chính kiến rõ ràng 	<p>hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự giác phát triển sản phẩm sáng tạo v.v... - Phẩm chất đạo đức xã hội như: Chấp hành các qui định của nhà nước và pháp luật, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<i>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, cẩn thận, khiêm tốn, giản dị trong sinh hoạt, sống lạc quan, giàu hoài bão, trung thực, thẳng thắn, khách quan và cầu tiến. - Luôn có ý thức tự học, tự đào tạo, cập nhật kiến thức mới, ứng dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học trong công việc được giao. 		<ul style="list-style-type: none"> - Khách quan: Công bằng, tôn trọng sự thật và không được thành kiến, thiên vị. - Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Duy trì, cập nhật và nâng cao kiến thức trong hoạt động nghề nghiệp, làm việc với sự thận trọng cao nhất. - Tính bảo mật: Bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện nghề nghiệp. - Tư cách nghề nghiệp: Trau dồi và bảo vệ uy tín nghề nghiệp 	đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của ngành tài chính - ngân hàng trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ chuẩn mực chuyên môn: Tuân thủ những kỹ thuật và chuẩn mực chuyên môn của nghề nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành - Phẩm chất đạo đức xã hội: + Có trách nhiệm với công việc, khách hàng, cộng đồng, xã hội và môi trường - Tuân thủ pháp luật và các quy định của nhà nước, xã hội và cộng đồng 	
3	KỸ NĂNG	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ	Yêu cầu về kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giao tiếp + Thể hiện kỹ năng diễn 	Thành thạo phần mềm dữ liệu cũng	- Tư duy logic, sáng tạo dám nghĩ, dám

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>GIAO TIẾP Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả <i>Thực hiện thành lập nhóm</i> <i>Tổ chức hoạt động nhóm</i> <i>Phát triển và lãnh đạo nhóm</i> Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý <i>Xây dựng cách thức giao tiếp</i> <i>Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng - Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng - Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> giải vấn đề bằng văn nói và văn viết thành thạo bằng tiếng Việt; + Thể hiện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành (TOEIC 500); + Thể hiện kỹ năng thuyết trình hiệu quả trước đám đông; + Thể hiện kỹ năng đàm phán. - Kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác + Thể hiện kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tin; + Thể hiện kỹ năng đặt mục tiêu và tạo động lực 	<ul style="list-style-type: none"> như các phần mềm quản lý văn phòng. - Khả năng tư duy tốt, logic để xử lý các bảng biểu, con số và những vấn đề phức tạp trong tài chính và ngân hàng - Áp dụng linh hoạt, thành thạo kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng làm việc độc lập trong nghề nghiệp tài chính, ngân hàng. - Áp dụng linh hoạt kỹ năng thích ứng với các tình huống giao dịch kinh doanh phức tạp, đa dạng. - Hiểu và phân tích 	<ul style="list-style-type: none"> làm, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao. - Có khả năng xây dựng kế hoạch và sử dụng thời gian, các nguồn lực, có khả năng lựa chọn những công việc cần ưu tiên và tổ chức thực hiện một cách khoa học, hiệu quả. - Có khả năng tổ chức thành thạo các sinh hoạt thảo luận chuyên môn, thuyết phục, tôn trọng, trợ giúp, chia sẻ, chung sức với các thành

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế</p>	<p>động tài chính, xây dựng và tổ chức mô hình quản trị tài chính doanh nghiệp.</p> <p>- Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài chính trong các tổ chức công và các cơ quan quản lý nhà nước; thực hành tác nghiệp trong chu trình quản lý ngân sách nhà nước, các nghiệp vụ kho bạc nhà nước, nghiệp vụ quản lý thuế, bảo hiểm xã hội,...</p>	<p>làm việc;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng lãnh đạo;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng lắng nghe với tư duy phản biện;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng ứng xử và tạo lập quan hệ;</p> <p>+ Thể hiện tinh thần hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm.</p>	<p>được hành vi, ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp trong ngành tài chính ngân hàng</p> <p>- Hiểu, áp dụng linh hoạt việc hình thành nhóm làm việc hiệu quả.</p> <p>- Biết duy trì và phát triển hoạt động nhóm.</p> <p>- Làm việc linh hoạt với các nhóm khách hàng, đồng nghiệp, đối tác đa dạng và phức tạp.</p> <p>- Thực hiện được quy trình, áp dụng linh hoạt việc xây dựng</p>	<p>viên trong và ngoài đơn vị. Có năng lực tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp và khách hàng.</p> <p>- Vận dụng được kỹ năng tổng hợp trong giao tiếp như: Lắng nghe, đàm phán, đặt câu hỏi, thuyết trình, xử lý các phản hồi của khách hàng và giao tiếp qua điện thoại.</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
			<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ cụ thể, phức tạp thuộc chuyên ngành tài chính - ngân hàng. - Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi. - Có kỹ năng làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc và kết 		<ul style="list-style-type: none"> kế hoạch công việc. - Nhận biết, lựa chọn nguồn lực để thực hiện công việc. - Áp dụng linh hoạt việc tổ chức thực hiện công việc thông qua sự điều khiển, phân công trong nhóm và tập thể. - Biết kiểm tra giám sát các hoạt động. - Biết xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thực hiện công việc. - Biết đánh giá kết quả thực hiện công việc. - Nắm vững kỹ năng lập luận, sắp xếp ý 	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực kết hợp giữa kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng “mềm” trong giải quyết công việc được giao đạt hiệu quả cao.

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
			<p>quả thực hiện của các thành viên trong nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2017/TT-BGDĐT-BTT&TT - Đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định tại thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT - Có kỹ năng cập nhật và vận dụng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải 		<p>tương, và giải quyết vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh bao gồm cả kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, giao tiếp qua thư tín và qua các phương tiện truyền thông. - Áp dụng linh hoạt kỹ năng thương lượng, đàm phán. - Áp dụng linh hoạt kỹ năng thuyết trình trước khách hàng, đồng nghiệp và đối tác. - Hiểu, sử dụng thành 	

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
			quyết công việc được giao đảm bảo đúng pháp luật		thạo tiếng Anh ở trình độ B2. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghị vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; - Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp	

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					vụ; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; - Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	
4	NĂNG LỰC	HÌNH THÀNH Ý TUỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Có năng lực làm	- Khả năng hội nhập + Thể hiện khả năng sống và làm việc trong	- Kỹ năng xử lý ghi nhận các giao dịch tài chính, kinh tế phát	- Thao tác thành thạo những nghiệp vụ chuyên môn về

TT	CĐR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG</p> <p>Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội</p> <p><i>Phân tích</i> được bối cảnh xã hội và môi trường</p> <p><i>Phân tích</i> được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức</p> <p>Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Hình thành ý tưởng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p>	<p>việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc thực tế; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p> <p>- Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; tự định hướng, đưa ra quyết định chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân</p>	<p>môi trường có khác biệt về quan điểm chính trị, tôn giáo, văn hóa, tư tưởng;</p> <p>+ Thể hiện khả năng thích nghi tốt với môi trường mới, sự biến động của môi trường sống và làm việc.</p> <p>- Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, hoạch định và giải quyết vấn đề liên quan đến chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ;</p> <p>- Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề</p>	<p>sinh vào sổ sách kế toán</p> <p>- Kỹ năng lập và trình bày báo cáo tài chính và các phân tích báo cáo theo yêu cầu cung cấp thông tin và tư vấn cho nhà quản lý</p> <p>- Kỹ năng thống kê, xử lý và phân tích thông tin để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định quản lý</p> <p>- Kỹ năng thu thập thông tin và xây dựng các dự án đầu tư, danh mục đầu tư trong hoạt động tài chính.</p>	<p>Tài chính - Ngân hàng như: thống kê tài chính - ngân hàng; Lập và phân tích báo cáo tài chính; Các nghiệp vụ tín dụng; Nghiệp vụ kế toán và giao dịch ngân hàng; Nghiệp vụ thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối; Nghiệp vụ marketing; Quản trị rủi ro; Các nghiệp vụ của Ngân hàng Trung ương.</p> <p>- Sử dụng toán học, các phương pháp lượng hoá và thống</p>

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p><i>Xây dựng</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Thực hiện</i> hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p><i>Đánh giá</i> và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn; đề xuất những sáng kiến kinh nghiệm có giá trị trong hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng - Có năng lực sáng tạo, ứng dụng và phát triển nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và luôn biến động. - Có năng lực chủ động cập nhật và 	<p>liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công, quản lý chi tiêu công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng, quản trị các trung gian tài chính phi ngân hàng và quản trị tài chính các loại hình doanh nghiệp để trở thành chuyên gia ở các vị trí: phân tích tài chính, phân tích đầu tư, phân tích chứng khoán, phân tích tín dụng, quản lý danh mục đầu tư, quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng sử dụng các công cụ tài chính để quản lý rủi ro, các hoạt động kinh doanh vốn và đánh giá tín dụng là nền tảng cho phát triển hoạt động đầu tư và kinh tế. - Kỹ năng tham gia tư vấn để đóng góp vào công cuộc hoàn thiện, ổn định và hiện đại hóa nền tài chính, ngân hàng Việt Nam đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế trí thức. 	<p>kê trong lĩnh vực Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng - Ngân hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu, biết, vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong giải quyết công việc được giao hiệu quả, đúng pháp luật. - Giao tiếp, đọc, hiểu, viết tiếng Anh tốt, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong chuyên môn, đạt trình độ tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên.

TT	CDR	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
			<p>vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải quyết công việc đúng pháp luật.</p>	<p>nguồn vốn, ngân hàng quốc tế.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Thành thạo tin học văn phòng (Microsoft Word, Excel, PowerPoint); có khả năng sử dụng các phần mềm nghiệp vụ tài chính, ngân hàng và kế toán. - Có khả năng làm việc độc lập; Sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ được giao. - Chịu áp lực cao trong công việc.

Cơ sở dẫn liệu về đối sánh

TT	TRƯỜNG	CHUẨN ĐẦU RA
TRƯỜNG TRONG NƯỚC		
11	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội	http://ueb.edu.vn/newsdetail/ctdt_chuan/14462/chuong-trinh-dao-tao-chuan-nganh-ke-toan.htm
32	Đại học Thương mại	https://tmu.edu.vn/vi/news/Chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan/ctdt-va-cdr-nganh-ke-toan-theo-quyet-dinh-so-1566-qd-dhtm-1790.html
33	ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	http://soa.ueh.edu.vn/vn/chuong-trinh-dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/143-Chuan-dau-ra-cua-sinh-vien-he-dai-hoc-chinh-quy.html
44	ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	https://kkt.uel.edu.vn/ArticleId/88e9c16e-fdd1-4f34-a558-9c6b3c4a9de4/chuong-trinh-giao-duc-dai-hoc-nganh-ke-toan-2015
55	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Chương trình giáo dục đại học định hướng ứng dụng (POHE) trường Đại học Kinh tế quốc dân http://www.aep.neu.edu.vn/web/vn/c77/p74/Dao-tao/Chuong-trinh%20-POHE/index.aspx
TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI		
11	Đại học La Trobe - Australia	https://www.latrobe.edu.au/courses/bachelor-of-accounting
22	Đại học Kent - Anh	https://www.kent.ac.uk/courses/undergraduate/235/accounting-and-finance
33	Đại học Macquarie - Sydney - Australia	https://courses.mq.edu.au/2020/international/undergraduate/bachelor-of-professional-accounting
44	Trường kinh doanh Havard	Bài báo: "Dữ liệu là vô ích nếu không có những kỹ năng để phân tích nó", trường kinh doanh Havard. https://hbr.org/2012/09/data-is-useless-without-the-skills
55	Đại học Zurich ,Thụy Sĩ	Tư duy hệ thống là một kỹ năng chủ yếu của Sinh viên_ Một khái niệm giảng dạy mới tại Đại học Zurich , Thụy Sĩ http://www.iiisci.org/journal/CV\$/sci/pdfs/P594305.pdf
66	Glenn Strachan , Viện nghiên cứu	Tư duy hệ thống: khả năng nhận biết và phân tích các liên kết bên trong và giữa các hệ thống" - Glenn

TT	TRƯỜNG	CHUẨN ĐẦU RA
	quốc tế trong phát triển bền vững , Đại học Gloucestershire	Strachan , Viện nghiên cứu quốc tế trong phát triển bền vững , Đại học Gloucestershire http://arts.brighton.ac.uk/__data/assets/pdf_file/0004/5926/Systems-Thinking.pdf
77	Trường Đại học RMIT, Úc	Khoá học: "Phát triển và mở rộng các kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo" - trường Đại học RMIT, Úc http://www1.rmit.edu.au/courses/c4322048236
88	Trường đại học Southern Cross, Úc	Các kỹ năng cần thiết sau khi tốt nghiệp - trường đại học Southern Cross, Úc gồm: sự nghiêm khắc về trí tuệ, sáng tạo, thực hành đạo đức, kiến thức về kỹ luật, học tập suốt đời, kỹ năng giao tiếp và xã hội, năng lực văn hóa https://www.scu.edu.au/staff/teaching-and-learning/graduate-attributes/
99	Trường Đại học Oxford, Anh	Kỹ năng sắp xếp thời gian và công việc - trường Đại học Oxford https://www.ox.ac.uk/students/academic/guidance/skills/time?wssl=1
110	Trường đại học Canberra, Úc	Kỹ năng chung và các thuộc tính của sinh viên tốt nghiệp, trường đại học Canberra http://www.canberra.edu.au/about-uc/learning-at-uc/archive/student-support/uc-graduate-attributes/documents/UC-Generic-Skills-Coursework-Courses.pdf
QUI ĐỊNH CHUNG		
11	BỘ GD-ĐT	Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT về chương trình lý luận chính trị đại học cao đẳng http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quy- dinh-52-2008-QD-BGDĐT-chuong-trinh-Ly-luan-chinh-tri-dai-hoc-cao-dang-dung-cho-sinh-vien-khoi-khong-chuyen-nganh-Mac-Lenin-tu-tuong-Ho-Chi-Minh-70733.aspx
22		Bài viết “ Vai trò của kế toán trong kinh doanh” https://smallbusiness.chron.com/role-accounting-business-459.html

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tại mỗi thời điểm phát triển CTĐT, chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế đảm bảo tương thích có định hướng với CĐR của CTĐT. CTDH năm 2020 được rà soát và cập nhật theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh. Bảng 3.1 mô tả cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CĐR của CTĐT. Ngoài khối lượng học tập trong CTDH, sinh viên phải hoàn thành các khóa học về Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ), An ninh - Quốc phòng (8 tín chỉ) và được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên cải tiến kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp.

Bảng 3.1. Ảnh xạ các mô-đun của CTDH với CĐR của CTĐT

Các mô - đun		Số TC	Phần trăm	Chuẩn đầu ra của CTĐT									
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Giáo dục đại cương	1.Khoa học chính trị, xã hội	14	11,11		√		√	√					
	2.Toán và khoa học tự nhiên	11	8,73	√			√	√		√			
	3.Tiếng Anh	07	5,56							√	√		
Giáo dục chuyên nghiệp	4.Cơ sở ngành	57	45,23		√		√	√	√	√		√	
	5.Chuyên ngành	29	23,02			√	√	√	√	√		√	√
	6. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	8	6,35				√	√			√	√	√
Tổng		126	100										

3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT									
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
1	ECO21002	Nhập môn ngành kinh tế		√		√	√	√	√		√	√
2	LAW20003	Luật kinh tế		√		√	√					
3	ENG10001	Tiếng Anh 1								√		
4	INF22001	Tin học cho nhóm ngành kinh tế	√			√	√					
5	MAT21004	Toán cho các nhà kinh tế	√			√	√					
6	ECO20003	Kinh tế vi mô		√		√	√				√	
7	POL11001	Triết học Mác Lênin	√			√	√					
8	ACC21001	Nguyên lý kế toán		√		√	√					
9	ENG10002	Tiếng Anh 2								√		
10	MAT20007	Xác suất - Thống kê và Toán kinh tế	√			√						
11	ECO20004	Kinh tế vĩ mô		√		√	√				√	
12	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	√			√	√					
13	BUA20001	Marketing căn bản		√		√	√	√	√			√
14	ECO20006	Kinh tế quốc tế		√		√	√			√	√	
15	FIN20001	Lý thuyết tài chính tiền tệ		√		√					√	
16	BUA30002	Quản trị học		√	√	√	√				√	
17	ECO20011	Quản lý nhà nước về kinh tế		√		√	√		√		√	
19	ACC21002	Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp			√	√	√					√
19	FIN31001	Phân tích hoạt động kinh doanh		√		√						
20	ECO20005	Thống kê kinh tế		√		√	√		√		√	
21	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	√			√						

TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT									
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
22	BUA20003	Văn hóa kinh doanh		√			√		√		√	
23	ECO21007	Lập dự án đầu tư		√		√	√		√		√	
24	ACC30001	Hệ thống thuế Việt Nam		√		√	√		√			
25	FIN20002	Quản trị tài chính		√	√	√	√				√	
26	POL11004	Lịch sử đảng CSVN	√			√	√					
27	FIN30005	Tín dụng ngân hàng					√		√	√		√
28	POL11005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	√			√	√					
29	FIN30004	Thị trường tài chính		√	√	√	√	√	√			
30	FIN30002	Tài chính doanh nghiệp			√	√	√			√		√
31		Tự chọn 1										
31.1	FIN30013	Tài chính quốc tế			√	√				√		
31.2	FIN30012	Tài chính công			√	√				√		
31.3	FIN30015	Tài chính công ty đa quốc gia			√	√						
Chuyên ngành: Ngân hàng thương mại												
32	FIN31016	Dịch vụ ngân hàng hiện đại	√		√		√	√		√		√
33	FIN30017	Thanh toán quốc tế			√		√			√	√	
34	FIN30011	Kế toán ngân hàng			√		√					
Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp												
32	FIN30016	Tài chính doanh nghiệp hiện đại			√	√	√	√		√		√
33	FIN30017	Bảo hiểm			√	√	√		√			
34	FIN30011	Phân tích và đầu tư tài chính			√	√	√			√		
35	FIN20003	Thực hành doanh nghiệp mô phỏng				√	√	√	√		√	√
		Tự chọn 2										
36.1	FIN30009	Kinh doanh chứng khoán			√	√	√		√		√	
36.2	FIN30006	Đề án Tài chính - Tiền tệ			√	√			√		√	
36.3	FIN30010	Ngân hàng trung ương			√	√					√	
37	FIN31014	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp				√	√	√	√		√	v

• Phân nhiệm giữa các học phần và CDR chi tiết của CTĐT



3.3. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau: (1) Loại học phần: × - bắt buộc, √ - tự chọn; (2) LT - lý thuyết, TH - thực hành, TL - thảo luận, BT - bài tập, ĐA - đồ án.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Phân tiết						Khối kiến thức	Phân kỳ
					LT	TH/ TN/ TT	TL/ BT	ĐA	TT/ KT	ĐA/ KL TN		
1	ECO21002	Nhập môn ngành kinh tế	Bắt buộc	3	30	0	0	15	0	0	GDĐC	1
2	LAW20003	Luật kinh tế	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	1
3	ENG10001	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDĐC	1
4	INF22001	Tin học nhóm ngành kinh tế	Bắt buộc	3	30	15	0	0	0	0	GDĐC	1
5	MAT20004	Toán cho các nhà kinh tế	Bắt buộc	4	45	0	15	0	0	0	GDĐC	1
6	ECO20003	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	4	45	0	15	0	0	0	GDCN	2
7	POL11001	Triết học Mác Lênin	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDĐC	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Phân tiết						Khối kiến thức	Phân kỳ
					LT	TH/ TN/ TT	TL/ BT	ĐA	TT/ KT	ĐA/ KL TN		
8	ENG10002	Tiếng Anh 2	Bắt buộc	4	45	0	15	0	0	0	GDĐC	2
9	MAT20007	Xác suất - Thống kê và Toán kinh tế	Bắt buộc	4	45	0	15	0	0	0	GDĐC	2
10	ACC21001	Nguyên lý kế toán	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	2
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	Bắt buộc	(2)	30	0	0	0	0	0	GDĐC	1-3
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	Bắt buộc	(2)	30	0	0	0	0	0	GDĐC	1-3
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	Bắt buộc	(2)	15	15	0	0	0	0	GDĐC	1-3
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 3(Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	Bắt buộc	(2)	0	30	0	0	0	0	GDĐC	1-3
	SPO10001	Giáo dục thể chất	Bắt buộc	(5)	15	60	0	0	0	0	GDĐC	1-3
11	ECO20004	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	4	45	0	15	0	0	0	GDCN	3
12	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Bắt buộc	2	20	0	10	0	0	0	GDĐC	3
13	BUA20001	Marketing căn bản	Bắt buộc	4	30	0	0	30	0	0	GDCN	3
14	ECO20006	Kinh tế quốc tế	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	3
15	FIN20001	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	3
16	ACC31002	Kế toán tài chính	Bắt buộc	5	60	0	15	0	0	0	GDCN	3
17	BUA30002	Quản trị học	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	4
18	BUA20002	Quản lý nhà nước về kinh tế	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	4
19	ACC21002	Phân tích hoạt động kinh doanh	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	4
20	ECO20005	Thống kê kinh tế	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	4
21	ACC30013	Tổ chức công tác kế toán	Bắt buộc	4	45	0	0	15	0	0	GDCN	4
22	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2	20	0	10	0	0	0	GDĐC	5
23	BUA20003	Văn hóa kinh doanh	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	5
24	ECO21007	Lập dự án đầu tư	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	5
25	FIN20002	Quản trị tài chính	Bắt buộc	4	45	0	15	0	0	0	GDCN	5
26	ACC31005	Hệ thống thông tin	Bắt buộc	4	15	0	0	45	0	0	GDCN	5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Phân tiết						Khối kiến thức	Phân kỳ
					LT	TH/ TN/ TT	TL/ BT	ĐA	TT/ KT	ĐA/ KL TN		
		kế toán										
27	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	20	0	10	0	0	0	GĐĐC	6
28	ACC30001	Hệ thống thuế Việt Nam	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	6
29	ACC30004	Kiểm toán căn bản	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	6
30	FIN30004	Thị trường tài chính	Bắt buộc	3	24	15	6	0	0	0	GDCN	6
31	FIN20003	Thực hành doanh nghiệp mô phỏng	Bắt buộc	5	0	0	0	75	0	0	GDCN	6
32	POL11003	Lịch sử đảng CSVN	Bắt buộc	2	20	0	10	0	0	0	GĐĐC	7
33	ACC30003	Kế toán quản trị	Bắt buộc	4	45	0	0	15	0	0	GDCN	7
34	ACC30011	Kiểm toán tài chính	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
35		Tự chọn 1	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
36		Tự chọn 2	Bắt buộc	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
37	ACC30016	Khoá luận và thực tập tốt nghiệp	Bắt buộc	8	0	0	0	0	45	75	GDCN	8
		Cộng:		126								
		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 3 học phần)										
1	ACC30008	Kế toán ngân sách và kho bạc Nhà nước	Tự chọn	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
2	ACC30006	Kế toán công	Tự chọn	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
3	ACC30010	Kế toán thuế	Tự chọn	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
		Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 3 học phần)										
1	ACC30009	Kế toán quốc tế	Tự chọn	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
2	ACC30015	Kế toán dịch vụ	Tự chọn	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
3	ACC30007	Kế toán doanh nghiệp thương mại xây lắp	Tự chọn	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7

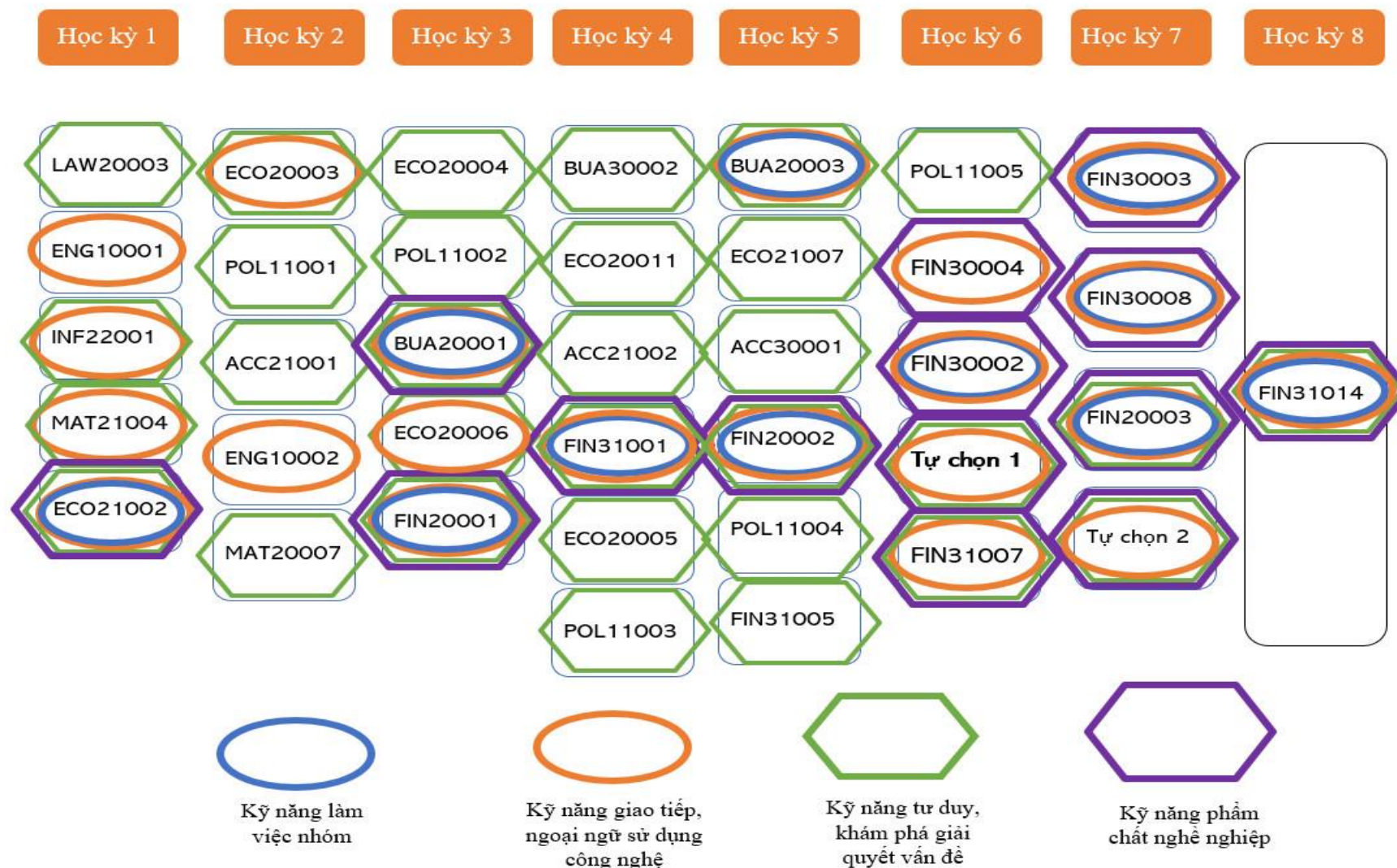
3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

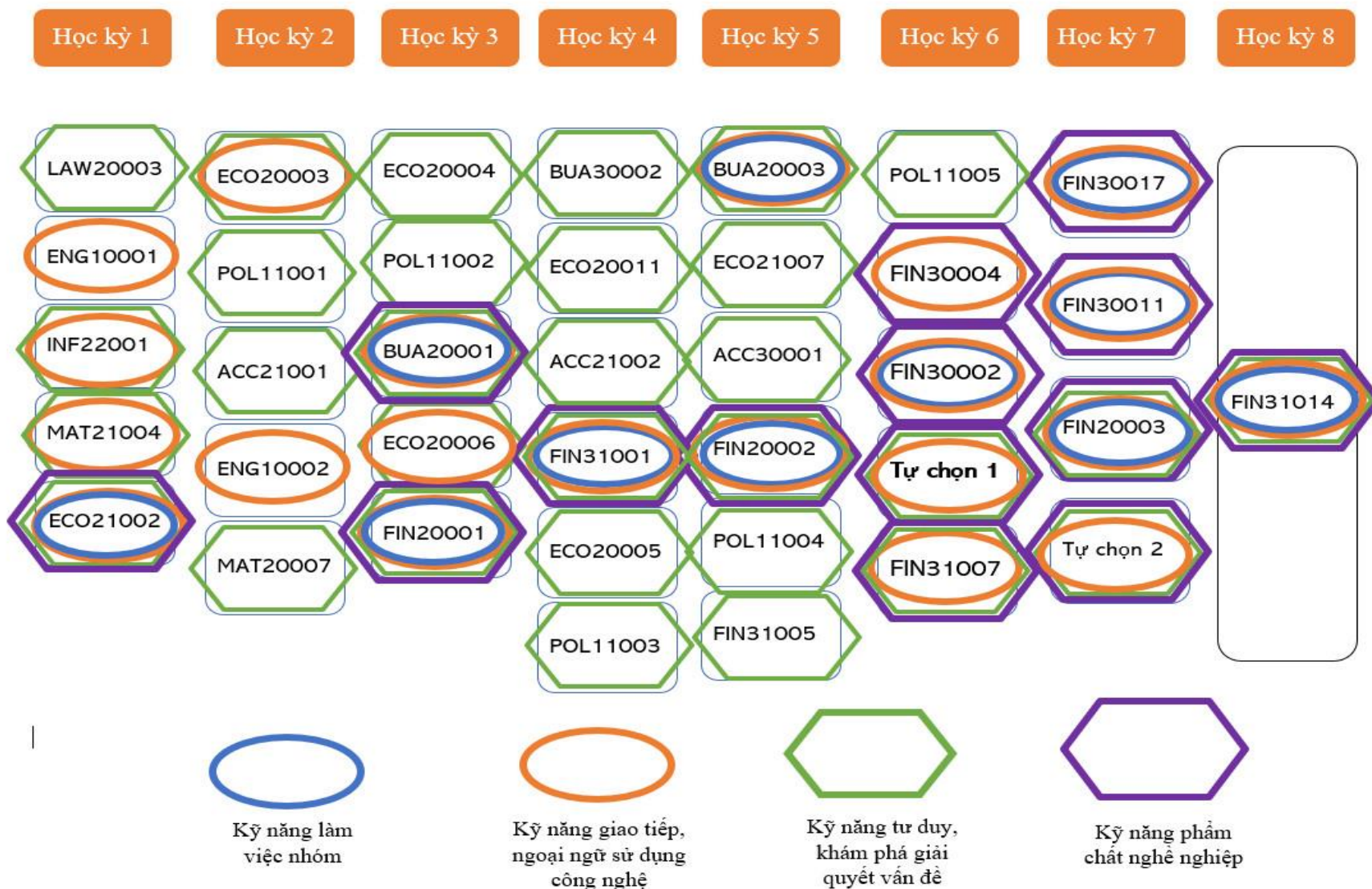




Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

3.5. Ma trận kỹ năng





Hình 3.2. Ma trận kỹ năng

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. ECO20001: Nhập môn ngành kinh tế

Mô tả học phần:

Học phần Nhập môn ngành Kinh tế là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được giảng dạy ở kỳ 1 trong CTĐT. Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về khối ngành kinh tế; các nghề nghiệp liên quan đến khối ngành kinh tế. Sinh viên được trang bị phương pháp học tập hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý tài chính và nguồn lực, làm việc nhóm, giao tiếp cần có, từ đó rèn luyện tư duy, sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro và khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế.

Mục tiêu học phần:

Người học nắm được các kiến thức cơ bản về tổng quát về khối ngành kinh tế, định hướng nghề nghiệp. Người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển được dự án kinh doanh cụ thể. Học phần bước đầu hình thành cho người học kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hình dung về bối cảnh chung của khối ngành kinh tế, mối quan hệ giữa kinh tế và cuộc sống
CLO1.2	Hiểu rõ vai trò và các vị trí làm việc của cử nhân kinh tế
CLO1.3	Biết các đặc điểm học tập ở bậc đại học và nắm vững các phương pháp học tập, thi có hiệu quả
CLO2.1	Thực hiện hình thành ý tưởng kinh doanh của đề án
CLO3.1	Triển khai lập kế hoạch cho các hoạt động của đề án
CLO4.1	Triển khai thực hiện các hoạt động của đề án
CLO4.2	Thực hiện tổng kết và đánh giá quá trình thực hiện đề án

2. LAW 20003: Luật Kinh tế

Mô tả học phần

Luật Kinh tế cung cấp kiến thức pháp luật về kinh tế (bao gồm những vấn đề chung về ngành luật kinh tế, địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, các vấn đề về hợp đồng kinh tế và các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế). Học phần giúp người học hình thành kỹ năng đánh giá các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp lý,

từ đó góp phần hình thành kỹ năng và thái độ cần thiết cho các cử nhân kinh tế trong tương lai.

Mục tiêu học phần

Học phần hướng tới mục tiêu giúp sinh viên hiểu kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế; vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp lý cũng như tư duy phản biện của người học; áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng giao tiếp bằng văn bản cho người học và kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm, hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	Hiểu đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành Luật kinh tế
CLO1.2	Hiểu địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, đặc biệt là các loại hình doanh nghiệp
CLO1.3	Hiểu những kiến thức cơ bản về hợp đồng kinh tế và cách thức soạn thảo một hợp đồng kinh tế hạn chế rủi ro
CLO1.4	Hiểu các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế được pháp luật quy định
CLO2.1	Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá việc triển khai mô hình kinh doanh trên thực tế có phù hợp quy định pháp luật hay không
CLO2.2	Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá tính rủi ro pháp lý của hợp đồng kinh tế
CLO2.3	Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá các tranh chấp kinh tế đã xảy ra, trên cơ sở đó lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp
CLO3.1	Áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh tế phù hợp quy định pháp luật
CLO3.2	Áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng làm việc nhóm và tổ chức nhóm hiệu quả
CLO4.1	Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về doanh nghiệp trong bối cảnh xã hội hiện nay
CLO4.2	Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay
CLO4.3	Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay

3. ENG10001: *Tiếng Anh 1*

Mô tả học phần

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (trương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐN L (4)
CO1	Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản	PLO3.1	2.0
CO2	Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản	POL3.1	3.0
CO3	Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc, phát triển các hoạt động giao tiếp hiệu quả	POL3.1	3.0

Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
CO1 CLO1.1	Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày,	I, T

Mục tiêu (Gx.x) (1)		Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
		các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	
	CLO1.2	Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	I, T
	CLO1.3	Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ	T, U
	CLO1.4	Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CLO1.5	Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
CO2	CLO2.1	Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	I, T
	CLO2.2	Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CLO2.3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	U
	CLO2.4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	T, U
	G2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	I
CO3	CLO3.1	Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên	I, T

Mục tiêu (Gx.x) (1)		Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
	CLO3.2	Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm	T, U
	CLO3.3	Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn	U
	CLO3.4	Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày	T, U
	CLO3.5	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U

4. MAT21004: *Toán cao cấp*

Mô tả học phần

Học phần Toán cho các nhà kinh tế là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên thuộc nhóm ngành kinh tế, nhằm xây dựng nền tảng toán học cơ bản cho nhiều học phần khác. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính, đồng thời, rèn luyện các kỹ năng, tính toán cần thiết cho các nhà kinh tế: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, các phép biến đổi tuyến tính trong không gian vectơ. Hơn nữa, học phần này còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giới hạn, hàm liên tục, phép tính vi tích phân của hàm một biến và nhiều biến, đạo hàm riêng của hàm nhiều biến, bài toán cực trị và rèn luyện khả năng chuyển bài toán thực tế thành mô hình toán học và biết vận dụng công thức toán học để tính toán trên các bài toán thực tế.

Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ.	1.1.3	3

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
G2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector; biết cách áp dụng các kiến thức được trang bị vào một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế; rèn luyện khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn, gợi ý của giáo viên.	1.1.3	3
G3	Trình bày các khái niệm, tính chất đơn giản của hàm số; giới hạn hàm số; hàm số liên tục; các khái niệm, tính chất cơ bản của đạo hàm và vi phân cấp 1 và cấp cao và một số ứng dụng của phép tính vi phân trong toán học và trong kinh tế.	1.1.3	3
G4	Trình bày các khái niệm, tính chất đơn giản của tích phân bất định, cách tính tích phân xác định, tích phân suy rộng và một số ứng dụng của tích phân trong toán học và trong kinh tế.	1.1.3	3
G5	Trình bày các khái niệm, tính chất đơn giản của hàm nhiều biến số; giới hạn hàm nhiều biến số; hàm nhiều biến liên tục; các khái niệm, tính chất đơn giản của đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, bài toán cực trị và một số ứng dụng của hàm nhiều biến trong một số bài toán kinh tế.	1.1.3	3
G6	Trình bày các tính chất cơ bản, cách tính và một số ứng dụng của tích phân 2 lớp.	1.1.3	3
G7	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình, giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3.1.1, 3.1.2	3

5. Chuẩn đầu ra học phần

CDR	Mô tả CDR
G1.1	Trình bày được khái niệm ma trận, viết được một số ma trận đặc biệt; trình bày được các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận, quy tắc thực hiện các phép toán trên ma trận; trình bày được khái niệm ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận.
G1.2	Trình bày được khái niệm định thức, nêu được các tính chất của định

CDR	Mô tả CDR
	thức, định thức của tích hai ma trận vuông.
G1.3	Trình bày được khái niệm hệ phương trình tuyến tính; điều kiện có nghiệm của hệ phương trình tuyến tính; quy tắc Cramer; viết được thuật toán giải hệ phương trình tuyến tính; trình bày được một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế.
G1.4	Trình bày được khái niệm không gian vectơ, tổ hợp tuyến tính, độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính, hệ sinh, cơ sở, số chiều, tọa độ của một vectơ đối với một cơ sở, ma trận tọa độ của một hệ vectơ đối với một cơ sở. Trình bày được khái niệm không gian con; nêu được cấu trúc của tập hợp nghiệm, khái niệm hệ nghiệm cơ bản của hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.
G2.1	Thực hiện được các phép toán trên ma trận, tính được định thức, thực hiện được các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận, giải quyết được bài toán tìm hạng của ma trận, tìm ma trận nghịch đảo, giải phương trình ma trận.
G2.2	Xác định một hệ phương trình tuyến tính có phải là hệ phương trình tuyến tính Cramer hay không; Giải hệ phương trình tuyến tính Cramer bằng quy tắc Cramer. Xác định một hệ phương trình tuyến tính có nghiệm hay vô nghiệm. Giải hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp biến đổi sơ cấp. Giải và biện luận hệ phương trình tuyến tính có chứa tham số. Tìm một hệ nghiệm cơ bản của hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.
G2.3	Ứng dụng hệ phương trình tuyến tính vào giải quyết một số bài toán kinh tế, cụ thể là một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô, mô hình IS-LM, mô hình Input-Output.
G2.4	Giải quyết được các bài toán về không gian vectơ: chứng minh không gian con; kiểm tra một vectơ có là tổ hợp tuyến tính của một hệ vectơ; xét tính độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính của một hệ vectơ; tìm cơ sở, số chiều của một không gian con; tìm tọa độ của một vectơ đối với một cơ sở, viết ma trận tọa độ của một hệ vectơ đối với một cơ sở.
G3.1	Hiểu được các khái niệm về hàm số, hàm số sơ cấp, hàm hợp, hàm ngược. Sử dụng được các phép toán giữa các hàm số, phép hợp giữa các hàm số. Trình bày được các hàm số thường gặp trong kinh tế.

CDR	Mô tả CDR
G3.2	Trình bày được định nghĩa về giới hạn hàm số, giới hạn trái và giới hạn phải, điều kiện tồn tại giới hạn hàm số, các quy tắc tính giới hạn, định nghĩa, ví dụ, các tính chất của vô cùng bé và sử dụng các tính chất này để tính giới hạn.
G3.3	Trình bày được định nghĩa hàm số liên tục tại một điểm, hàm số liên tục trái, liên tục phải tại một điểm, các phép toán cơ bản của hàm liên tục, phép hợp của hai hàm liên tục, các tính chất cơ bản của hàm liên tục trên 1 đoạn và biết vận dụng để giải quyết một số bài tập liên quan trực tiếp.
G3.4	Hiểu được định nghĩa đạo hàm, đạo hàm phải, đạo hàm trái. Thiết lập được mối quan hệ giữa tính liên tục và tính khả vi. Trình bày được các quy tắc tính đạo hàm và biết vận dụng để tính đạo hàm của các hàm sơ cấp. định nghĩa vi phân, ứng dụng vi phân vào tính gần đúng. Sử dụng được phép tính vi phân để làm các bài toán ứng dụng trong toán học và kinh tế
G4.1	Trình bày được định nghĩa, các tính chất của nguyên hàm, tính phân không xác định và tính được tích phân một số loại tích phân không xác định.
G4.2	Trình bày được công thức Newton - Lepnit để tính tích phân xác định, các phương pháp tính tích phân xác định.
G4.3	Biết tính tích phân suy rộng loại 1 và loại 2.
G4.4	Sử dụng tích phân để giải quyết các bài toán liên quan đến kinh tế
G5.1	Hiểu được khái niệm hàm nhiều biến số. Biết được một số mô hình hàm số trong phân tích kinh tế như hàm sản xuất, hàm doanh thu, hàm lợi nhuận, hàm cung, hàm cầu, điểm cân bằng
G5.2	Hiểu được khái niệm giới hạn lặp, giới hạn kép của hàm hai biến số. Trình bày được các tính chất cơ bản của giới hạn hàm nhiều biến. Tính được một số giới hạn lặp và giới hạn kép của hàm 2 biến.
G5.3	Trình bày được định nghĩa hàm hai biến liên tục, khảo sát được tính liên tục của hàm hai biến. Tính được các đạo hàm riêng, vi phân toàn phần, đạo hàm riêng của hàm hợp, đạo hàm riêng cấp cao của hàm nhiều biến.
G5.4	Biết cách tìm cực trị không có điều kiện hàm nhiều biến và áp dụng bài toán cực trị để giải một số bài toán kinh tế như bài toán tối ưu hóa lợi nhuận, bài toán tối thiểu hóa chi phí....
G6.1	Biết được các bước của định nghĩa và các tính chất cơ bản của tích phân

CDR	Mô tả CDR
	bội hai. Nắm được cách tính và tính được tích phân bội hai của hàm 2 biến trên một số miền cụ thể. phương pháp đổi biến số để tính tích phân bội hai.
G6.2	Biết vận dụng tích phân bội 2 để giải quyết một số bài toán thực tế.
G7.1	Rèn luyện tính trung thực trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài thu hoạch, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra.
G7.2	Rèn luyện kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu.
G7.3	Có thái độ tích cực hợp tác với giáo viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.
G7.4	Phân công công việc trong một nhóm bài tập một cách hiệu quả.
G7.5	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm.

6. ECO20002: Kinh tế vi mô

Mô tả học phần:

Học phần Kinh tế vi mô là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được giảng dạy ở kỳ 2 trong CTĐT. Học phần này cung cấp những kiến thức kinh tế nền tảng về cách thức hoạt động của thị trường, cách thức ra quyết định của các thành viên kinh tế thông qua lý thuyết cung cầu, hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất, cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Giúp sinh viên rèn luyện tư duy, có khả năng nắm bắt các vấn đề mang tính thời sự và đánh giá khả năng phát triển hoạt động kinh doanh.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng về cơ chế thị trường và các vấn đề liên quan đến hành vi của các thành viên trong nền kinh tế. Sinh viên vận dụng được lý thuyết vi mô để giải thích các vấn đề kinh tế của kinh tế thị trường.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Hiểu</i> được những kiến thức nền tảng về cơ chế thị trường và các vấn đề liên quan đến hành vi của các thành viên trong nền kinh tế.
CLO1.2	<i>Áp dụng</i> các mô hình và lý thuyết cơ bản về kinh tế vi mô trong phân tích các tình huống kinh tế và giải các bài toán tối ưu hóa.
CLO1.3	<i>Phân tích</i> hành vi của các thành viên kinh tế và những diễn biến trên thị trường của các loại hàng hoá, dịch vụ.

CLO2.1	<i>Vận dụng</i> kỹ năng lập luận và phân tích các vấn đề kinh tế thị trường thông qua các tình huống thực tế của nền kinh tế.
CLO2.2	<i>Thể hiện</i> sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế trong giải quyết các vấn đề kinh tế vi mô

7. ACC20001: Nguyên lý kế toán

Mô tả học phần:

Nguyên lý kế toán là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là nền tảng quan trọng của sinh viên ngành kế toán nói riêng cũng như sinh viên thuộc khối ngành kinh tế nói chung. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán như các khái niệm, nguyên tắc, hệ thống phương pháp của kế toán. Sinh viên có khả năng vận dụng để giải quyết những tình huống trong thực tiễn hoạt động kế toán của đơn vị kế toán và lập các báo cáo tài chính ở mức độ đơn giản.

Mục tiêu học phần:

Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp kiến thức về bản chất, đối tượng của hoạt động kế toán và hệ thống phương pháp của kế toán, từ đó người học có khả năng áp dụng các phương pháp kế toán để giải quyết những tình huống trong thực tiễn hoạt động kế toán của doanh nghiệp đối với các nghiệp vụ kinh tế cơ bản.

Người học chủ động rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề trong các hoạt động, kỹ năng tư duy sáng tạo, phản biện, thể hiện tính kiên trì và khả năng thích ứng với sự thay đổi, nắm vững đạo đức nghề nghiệp kế toán, từ đó có khả năng xác định được bối cảnh hoạt động kế toán và thực hiện được các phân hành kế toán trong các doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu được bản chất của kế toán và các đối tượng của hạch toán kế toán
CLO1.2	Hiểu được các phương pháp của kế toán
CLO2.1	Liên hệ được hệ thống chứng từ cho các nghiệp vụ kế toán cơ bản
CLO2.2	Sử dụng được phương pháp tính giá các đối tượng kế toán cơ bản
CLO2.3	Sử dụng được mối quan hệ đối ứng tài khoản trong cách ghi chép nghiệp vụ kinh tế cơ bản
CLO2.4	Áp dụng phương pháp tổng hợp cân đối kế toán trong việc lập các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính

CLO3.1	Kỹ năng tư duy phản biện
CLO3.2	Khả năng kiên trì và thích ứng với sự thay đổi
CLO3.3	Nắm vững đạo đức nghề nghiệp kế toán
CLO3.4	Thể hiện thái độ chính trực, khách quan, thận trọng và bảo mật

8. ENG10002: Tiếng Anh 2

- Mô tả học phần

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả <i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
CO1	Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp.	PLO 3.1	3.0
CO2	Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.	PLO 3.1	3.0
CO3	Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh	POL 3.1	3.0

Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu (Gx.x) (1)		Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
CO1	CLO1.1	Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: <i>verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.</i>	I, T
	CLO1.2	Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	I, T
	CLO1.3	Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.	T, U
	CLO1.4	Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.5	Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.6	Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn, viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (<i>du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu</i>)	T, U
CO2	CLO2.1	Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	I, T

	CLO2.2	Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	T, U
	CLO2.3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	T, U
	CLO2.4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp	T, U
	CLO2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	T, U
CO3	CLOG3.1	Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp	I, T
	CLO3.2	Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp	T, U
	CLO3.3	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U
	CLO3.4	Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	U

9. POL11001: Triết học Mác - Lê nin

Mô tả học phần

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác - Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.

- Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.

- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

CDR học phần	Mô tả CDR
CLO1.1	Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác - Lênin
CLO1.2	Áp dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội
CLO2.1 ...	Thể hiện hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng
CLO2.2	Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực thực tiễn; phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác

10. MAT20007: Xác suất - thống kê và Toán kinh tế

Mô tả học phần

Xác suất thống kê và toán kinh tế là học phần bắt buộc cho sinh viên ngành Kinh tế, thuộc khối kiến thức cơ sở, được giảng dạy ở học kỳ 2, sau khi sinh viên đã được trang bị kiến thức cơ sở về Toán cao cấp.

Học phần gồm 3 chương: Cơ sở lý thuyết xác suất, Thống kê và các suy luận thống kê, Một số mô hình toán kinh tế. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất cổ điển, thống kê toán học và toán kinh tế. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu cho sinh viên về phần mềm R và ứng dụng của nó trong xác suất và thống kê.

Mục tiêu học phần

(CO1) Kiến thức: Sinh viên trình bày được các kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất, thống kê và toán kinh tế, bao gồm: biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy, bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính, mô hình bài toán vận tải.

(CO2) Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng tính toán, chứng minh, giải các bài toán về xác suất, thống kê và toán kinh tế.

(CO3) Thái độ: Sinh viên có cách nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng thực tiễn bằng kiến thức của lý thuyết xác suất, thống kê và toán kinh tế.

Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR	Mức độ năng lực	Tương ứng với CĐR của CTĐT
CLO1	Trình bày được các kiến thức về xác suất: giải tích tổ hợp, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện, dãy các phép thử Bernoulli, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên.	Vận dụng	
CLO2	Trình bày được các kiến thức về thống kê: mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu, phương pháp ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy.	Vận dụng	
CLO3	Trình bày được các kiến thức về toán kinh tế: bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp đơn hình, bài toán vận tải.	Vận dụng	
CLO4	Vận dụng được các tính chất và các công thức của giải tích tổ hợp, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện, dãy phép thử Bernoulli vào giải các bài tập.	Vận dụng	
CLO5	Vận dụng được các kiến thức về biến ngẫu nhiên, bảng phân phối, hàm phân phối, hàm mật độ, kỳ vọng và phương sai của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên vào giải các bài tập.	Vận dụng	
CLO6	Vận dụng được các công thức tìm khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy vào giải các bài toán thực tế.	Vận dụng	
CLO7	Vận dụng được các kiến thức về bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải vào giải các bài toán.	Vận dụng	

11. POL11002: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Mô tả học phần

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần

- **CO1:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO2:** Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- **CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Giải thích</i> được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.
CLO1.2	<i>Vận dụng</i> lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.
CLO2.1	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam
CLO3.1	<i>Có khả năng</i> phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị

12. ECO20006: Kinh tế vĩ mô

Mô tả học phần

Học phần Kinh tế quốc tế là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được dạy ở kỳ 3 của CTĐT. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về nền kinh tế thế giới, các mối quan hệ kinh tế quốc tế. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản để tham gia vào các hoạt động quan hệ kinh tế quốc tế như: xuất nhập khẩu hàng hoá, đầu tư quốc tế, kinh doanh ngoại hối,...

Mục tiêu học phần

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết kinh tế quốc tế. Sinh viên vận dụng kiến thức kinh tế quốc tế vào giải quyết tình huống thực tế, nắm vững các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường ngoại hối và có khả năng phân tích xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế. Sinh viên có thái độ linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Hiểu</i> được thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết kinh tế quốc tế
CLO1.2	<i>Áp dụng</i> các lý thuyết thương mại quốc tế để xác định lợi ích của các quốc gia
CLO1.3	<i>Nắm vững</i> các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường ngoại hối
CLO1.4	<i>Phân tích</i> xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới và các mối quan hệ kinh tế quốc tế
CLO2.1	<i>Áp dụng</i> các kiến thức kinh tế quốc tế vào giải quyết tình huống thực tế
CLO2.2	<i>Thể hiện</i> sự linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới

13. ECO20003: Kinh tế vĩ mô

Mô tả học phần:

Học phần Kinh tế vĩ mô là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô về sự vận động của nền kinh tế tổng thể, gồm các biến số như: thu nhập quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế, lãi suất, cán cân thanh toán, tỷ giá,... và cơ chế hoạt động của các thị trường trong nền kinh tế. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các biến số, chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế.

Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô: Lạm phát, thất nghiệp, suy thoái, tăng trưởng và các nguyên lý hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Học phần hướng đến việc sinh viên *nhận biết* được khái quát kinh tế vĩ mô, *hiểu* được cơ chế hoạt động các thị trường trong nền kinh tế, *áp dụng* các kiến thức đã học vào thực hiện các chỉ tiêu và các chính sách kinh tế vĩ mô và *có khả năng phân tích* được

sự vận động của tổng thể nền kinh tế, sự thay đổi các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thị trường. Sinh viên có kỹ năng vận dụng các nguyên lý kinh tế vào thực tiễn nghiên cứu các hiện tượng kinh tế vĩ mô. Sinh viên có thái độ phân tích khách quan, đúng đắn đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Hiểu</i> được các yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu và nguyên lý cân bằng, các biến động kinh tế vĩ mô trên các thị trường
CLO1.2	<i>Áp dụng</i> các biến số kinh tế vĩ mô trong mô hình và thị trường cụ thể, áp dụng các chính sách, công cụ vào điều tiết nền kinh tế vĩ mô
CLO1.3	<i>Phân tích</i> được nguyên nhân gây ra biến động các biến số kinh tế vĩ mô
CLO2.1	<i>Vận dụng</i> các nguyên lý kinh tế vĩ mô để xây dựng các mục tiêu kinh tế vĩ mô, các mô hình gắn với các thị trường và phân tích hành vi, việc ra quyết định định của nền kinh tế
CLO2.2	<i>Thể hiện</i> thái độ khách quan, đúng đắn đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô

14. FIN20001: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Mô tả học phần:

Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy vào kỳ 3 trong chương trình đào tạo khối ngành kinh tế. Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về tiền tệ, tài chính và các bộ phận trong hệ thống tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tổ chức tài chính trung gian, thị trường tài chính cũng như vai trò của chúng đối với nền kinh tế của một quốc gia. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống để có thể nhận biết được các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần:

Học xong học phần lý thuyết tài chính tiền tệ, sinh viên có thể nắm vững được những kiến thức nền tảng về lĩnh vực tài chính tiền tệ; có khả năng nghiên cứu tài liệu, kỹ năng tư duy (hệ thống, phản biện, sáng tạo) để nhận diện được các vấn đề thuộc lĩnh vực này trong thực tiễn nền kinh tế.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Nắm vững bản chất và chức năng của tiền tệ, tài chính
CLO1.2	Hiểu rõ nội dung hoạt động của các chủ thể tài chính
CLO1.3	Giải thích cơ chế hoạt động của các bộ phận cấu thành thị trường tài chính
CLO2.1	Có kỹ năng nghiên cứu các tài liệu về lĩnh vực tài chính tiền tệ
CLO2.2	Có khả năng tư duy hệ thống các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ
CLO3.1	Liên hệ được các vấn đề liên quan đến cung và cầu tiền tệ trong thực tiễn nền kinh tế
CLO 3.2	Nhận diện được hoạt động của các bộ phận trong hệ thống tài chính một quốc gia

15. BUA20001: Marketing căn bản

Mô tả học phần:

Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức nền về hoạt động Marketing trong doanh nghiệp: môi trường Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, thị trường mục tiêu- phân đoạn- lựa chọn- định vị thị trường mục tiêu và các chính sách Marketing - mix trong doanh nghiệp. Từ đó hình thành các kỹ năng xây dựng thực hiện các ý tưởng Marketing cho doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Học phần Marketing căn bản giúp sinh viên nhận biết, phân tích, đánh giá được hoạt động Marketing của một doanh nghiệp cụ thể. Có khả năng hình thành và xây dựng thực hiện các ý tưởng Marketing cho doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO 1.1	Hiểu được môi trường Marketing của doanh nghiệp.
CLO 1.2	Nắm bắt được vai trò của hệ thống thông tin Marketing trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có khả năng thực hiện nghiên cứu Marketing cho doanh nghiệp.
CLO 1.3	Nhận diện được thị trường mục tiêu và định vị được thị trường mục tiêu.

Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO 1.4	Vận dụng được các chính sách Marketing - mix trong doanh nghiệp.
CLO 2.1	Thể hiện khả năng tư duy, hệ thống, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.
CLO 2.2	Thể hiện thái độ chủ động, kiên trì, thích ứng với những biến đổi của môi trường kinh doanh và các tình huống Marketing của doanh nghiệp.
CLO 3.1	Thực hiện thành lập nhóm để giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.
CLO 3.2	Tổ chức hoạt động nhóm để giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.
CLO 3.3	Sử dụng đồ họa để thiết kế các hoạt động Marketing của doanh nghiệp.
CLO 4.1	Hình thành các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.
CLO 4.2	Thực hiện các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.

16. POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	Mô tả CĐR
CLO1.1	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội
CLO1.2	Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam
CLO2.1 ...	Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
CLO2.2	Có khả năng phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

17. FIN31001: Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp

Mô tả học phần

Học phần *Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp* là học phần chuyên ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính ngân hàng được thực hiện vào kỳ 6 của Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng.

Học phần này nhằm vận dụng các kiến thức chuyên ngành tài chính ngân hàng để giải quyết các vấn đề về định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề của thẩm định giá, thể hiện đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp khi thực hiện công việc thẩm định giá.

Mục tiêu học phần

Học phần *Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp* trình bày khái quát về công việc thẩm định giá, các nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản và giá trị doanh nghiệp, quy trình thực hiện dự án học phần. Đồng thời người học thể kỹ năng phân tích và giải quyết các hoạt động liên quan tới thẩm định giá. Từ đó, người học có thể xây dựng và thực hiện các hoạt động thẩm định giá trong thực tế.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để hiểu các nội dung về hoạt động Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp
CLO2.1	Thành thạo và sử dụng hiệu quả các kỹ năng lập luận, phân tích để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong áp dụng các nguyên tắc định giá bất động sản và giá trị doanh nghiệp`

CLO2.1	Vận dụng được các phương pháp định giá
CLO2.2	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp nghề Thẩm định giá
CLO4.1	Vận dụng kiến thức về thẩm định giá để thực hiện Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp trong thực tiễn

18. ACC20002: Phân tích hoạt động kinh doanh

Mô tả học phần:

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là học phần bắt buộc được tổ chức giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần cung cấp các kiến thức về nội dung, phương pháp phân tích tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp giúp người học có khả năng đánh giá được tình hình tài chính và phân tích được hiệu quả các hoạt động tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần Phân tích hoạt động kinh doanh sinh viên có khả năng phân tích tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp, vận dụng các phương pháp phân tích để đánh giá hiệu quả các hoạt động tài chính, kinh doanh. Đồng thời, học phần này giúp sinh viên sử dụng kỹ năng lập luận, phân tích, giải quyết vấn đề; kỹ năng nghiên cứu tài liệu, khám phá tri thức và kỹ năng tư duy để giải quyết các vấn đề trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích bản chất phân tích tình hình tài chính, kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh
CLO1.2	Xác định nội dung phân tích tình hình tài chính, kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh
CLO1.3	Áp dụng các phương pháp và quy trình phân tích tài chính, kinh doanh trong doanh nghiệp
CLO2.1	Nhận diện được tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
CLO2.2	Phát hiện được các vấn đề về tình hình tài chính của doanh nghiệp
CLO2.3	Làm sáng tỏ nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp
CLO2.4	Xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả và kết quả sản xuất kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp
CLO3.1	Kỹ năng lập luận, phân tích, giải quyết vấn đề
CLO3.2	Kỹ năng nghiên cứu tài liệu, khám phá tri thức
CLO3.3	Kỹ năng tư duy

19. BUA20002: Quản lý nhà nước về kinh tế

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần cơ sở ngành của khối ngành kinh tế và quản trị, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước, giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và phương hướng đổi mới của nhà nước trong nền kinh tế. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng được các kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo và phản biện trong giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh, thể hiện đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp nhằm đánh giá đúng thực tiễn môi trường quản lý kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Vận dụng các công cụ, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Phân tích được bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế; Hình thành kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo và phản biện trong giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh; Thực hiện ra các quyết định quản lý nhà nước về kinh tế thông qua các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế và thể hiện đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp nhằm đánh giá đúng thực tiễn môi trường quản lý kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO1.1	Hiểu được vai trò, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế
CLO1.2	Vận dụng các công cụ, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế
CLO1.3	Phân tích được bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế
CLO2.1	Hình thành kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo và phản biện trong giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh
CLO2.2	Thực hiện ra các quyết định quản lý nhà nước về kinh tế thông qua các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế
CLO3.1	Thể hiện đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp nhằm đánh giá đúng thực tiễn môi trường quản lý kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

20. BUA30002: Quản trị học

Mô tả học phần:

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị và việc vận dụng thực tiễn của quản trị trong tổ chức. Các nội dung chính gồm: bản chất của quản trị, Nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, Các chức năng của quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo/điều hành và kiểm tra/kiểm soát.

Mục tiêu học phần:

Học phần Quản trị học giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về quản trị. Sinh viên có thể phân tích được bối cảnh của tổ chức, xác định được các bước công việc để hoạch định các mục tiêu, tổ chức các nguồn lực, động viên và kiểm soát trong tổ chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO 1.1	Hiểu được bản chất quản trị, Nhà quản trị và các lý thuyết quản trị.
CLO 1.2	Hiểu môi trường quản trị để đưa ra các quyết định quản trị trong tổ chức.
CLO 1.3	Vận dụng các kiến thức về chức năng quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra để trong hoạt động của tổ chức.
CLO 2.1	Vận dụng và giải quyết hiệu quả các hoạt động quản trị tổ chức.
CLO 2.2	Sử dụng hiệu quả nguồn lực trong quản trị tổ chức.
CLO 2.3	Thể hiện tính kiên trì, thích ứng với những biến đổi của môi trường quản trị.
CLO 4.1	Nhận diện được bối cảnh của môi trường tổ chức
CLO 4.2	Xây dựng các mục tiêu cho tổ chức

21. ECO20005: Thống kê kinh tế

Mô tả học phần:

Học phần Thống kê kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê định lượng, trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để áp dụng các kiến thức về phương pháp thống kê và mô hình định lượng vào các vấn đề trong kinh tế.

Mục tiêu học phần:

Học phần này giúp sinh viên hiểu được kiến thức về thống kê kinh tế, vận dụng các kiến thức vào đo lường, dự báo các tình huống kinh tế, phân tích quá trình thống kê kinh tế từ đó xây dựng mô hình định lượng các vấn đề trong kinh tế.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Hiểu</i> được cách thiết lập mô hình thống kê kinh tế, ước lượng các tham số, kiểm định thống kê
CLO1.2	<i>Áp dụng</i> phương pháp chọn mẫu, phương pháp điều tra thống kê
CLO1.3	<i>Phân tích</i> kết quả điều tra, tổng hợp
CLO2.1	<i>Vận dụng</i> mô hình thống kê kinh tế vào dự báo và tư vấn chính sách kinh tế
CLO2.2	<i>Vận dụng</i> mô hình thống kê kinh tế vào đo lường kinh tế

22. ACC30002: Hệ thống thuế Việt Nam

Mô tả học phần:

Học phần Hệ thống thuế Việt Nam thuộc kì 6 của chương trình đào tạo ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh. Học phần này cung cấp các kiến thức pháp luật về thuế tại Việt Nam, giúp sinh viên rèn luyện được các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, nghiên cứu văn bản pháp luật và hình thành tính trách nhiệm với xã hội.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên phải xác định được phạm vi áp dụng của các loại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tính toán nghĩa vụ thuế phát sinh. Đồng thời, thể hiện được kỹ năng nghiên cứu các văn bản pháp luật về thuế, tư duy phân tích, giải quyết các vấn đề, hiểu được trách nhiệm của bản thân với xã hội liên quan đến lĩnh vực thuế, cũng như sử dụng linh hoạt các hình thức giao tiếp khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Hiểu</i> khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế và bộ máy thu thuế
CLO1.2	<i>Nhận diện</i> đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân
CLO1.3	<i>Tính toán</i> nghĩa vụ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân phát sinh

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO2.1	<i>Vận dụng</i> tư duy phân tích và giải quyết các tình huống về thuế
CLO2.2	<i>Sử dụng</i> kỹ năng nghiên cứu các văn bản pháp luật và tài liệu liên quan đến thuế để giải quyết vấn đề
CLO2.3	<i>Thể hiện sự công bằng và trách nhiệm xã hội</i>
CLO3.1	<i>Sử dụng</i> hình thức giao tiếp đa dạng để báo cáo kết quả học tập

23. ECO20007: Lập dự án đầu tư

Mô tả học phần:

Học phần Lập dự án đầu tư là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được giảng dạy ở kỳ 5 trong CTĐT. Học phần này giảng dạy cách thức để lập dự án đầu tư, giúp sinh viên ra trường có thể lập và phân tích các kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu tư, từ đó khởi nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, có kỹ năng lập các dự án đầu tư cụ thể, trải nghiệm các tình huống, các rủi ro trong công việc lập dự án, từ đó rèn luyện tư duy, sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro và khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, phương pháp lập một dự án đầu tư, đánh giá tính khả thi của dự án đầu tư. Sinh viên vận dụng các kỹ năng và phẩm chất cá nhân vào việc xây dựng được một dự án đầu tư cụ thể. Sinh viên thể hiện thái độ đúng đắn đối với công việc lập dự án đầu tư.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Hiểu</i> khái niệm, cách phân loại và chu kỳ của dự án đầu tư
CLO1.2	<i>Áp dụng</i> phương pháp, quy trình và nội dung lập dự án đầu tư
CLO1.3	<i>Phân tích</i> tính khả thi của dự án đầu tư
CLO2.1	<i>Vận dụng</i> kỹ năng nghề nghiệp về phân tích giải quyết vấn đề, quản lý thời gian nguồn lực để lập 1 dự án đầu tư cụ thể
CLO2.2	<i>Thể hiện</i> sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế trong lập dự án đầu tư

24. POL11004: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu học phần

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.
CLO2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
CLO2.2	Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

25. FIN20002: Quản trị tài chính

Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên: Các kiến thức về quản trị tài chính, kỹ năng lập luận, phân tích, tư duy hệ thống để sinh viên liên hệ được các vấn đề của quản trị tài chính trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần:

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên làm sáng tỏ được các kiến thức về quản trị tài gồm vốn kinh doanh, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, giải thích được giá trị thời

gian của tiền và ứng dụng của nó, nhận diện được các kiến thức về nguồn vốn và mô hình vốn. Đồng thời có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề về quản trị tài chính, và liên hệ các vấn đề quản trị tài chính trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Khái quát hóa những vấn đề cơ bản về quản trị tài chính
CLO1.2	Làm sáng tỏ kiến thức về vốn kinh doanh, tổ chức quản trị vốn kinh doanh
CLO1.3	Diễn giải các vấn đề về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, đòn bẩy kinh doanh
CLO1.4	Giải thích giá trị thời gian của tiền, những ứng dụng giá trị thời gian của tiền trong quản trị tài chính
CLO1.5	Nhận diện các kiến thức về nguồn vốn và mô hình vốn trong quản trị tài chính
CLO2.1	Có khả năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề về quản trị tài chính
CLO2.2	Có khả năng làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả
CLO3.1	Có khả năng hệ thống hóa về hoạt động quản trị tài chính
CLO4.1	Liên hệ các vấn đề về quản trị tài chính trong thực tiễn nền kinh tế

26. FIN 30005: Tín dụng ngân hàng

Mô tả học phần

Môn học tín dụng ngân hàng được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh tín dụng của NHTM. Sinh viên có thể đánh giá quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Đồng thời, vận dụng các kiến thức về nghiệp vụ tín dụng ngân hàng vào thực tiễn nhằm hình thành kỹ năng làm việc nhóm và thể hiện vai trò, thái độ hành xử chuyên nghiệp của một chuyên viên tín dụng ngân hàng.

Mục tiêu học phần

Học phần Tín dụng ngân hàng giúp sinh viên vận dụng được các phương pháp phân tích đối với các đối tượng khách hàng khác nhau để đánh giá được khách hàng để lựa chọn được khách hàng vay vốn phù hợp với mục tiêu của ngân hàng. Đồng thời giúp sinh viên nhận diện được các rủi ro tín dụng và triển khai được nghiệp vụ tín dụng trong thực tế. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian, kỹ năng văn bản và thuyết trình.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu các quy định của Nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng
CLO1.2	Phân tích các giai đoạn trong quy trình tín dụng ngân hàng
CLO1.3	Áp dụng được các phương pháp phân tích với đối tượng khách hàng khác nhau
CLO2.1	Phân tích khách hàng để lựa chọn khách hàng phù hợp với điều kiện ngân hàng
CLO2.2	Đánh giá quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng cá nhân tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam
CLO3.1	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm
CLO3.2	Sử dụng kỹ năng văn bản, thuyết trình

27. BUA20003: Văn hóa kinh doanh

Mô tả học phần:

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành giảng dạy học kỳ 5, cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh: về triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp. Từ đó hình thành kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần Văn hóa kinh doanh sinh viên có thể vận dụng các kiến thức về văn hóa kinh doanh để xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh cho doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh

Chuẩn đầu ra học phần:

Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO1.1	Hiểu được bản chất, vai trò và vị trí của văn hóa kinh doanh trong doanh nghiệp; các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh.
CLO1.2	Áp dụng các kiến thức về triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp
CLO2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp đối với hoạt động kinh doanh
CLO2.2	<i>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh</i>
CLO3.1	Xây dựng cách thức giao tiếp trong hoạt động kinh doanh
CLO3.2	Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán)

28. FIN30002: Tài chính doanh nghiệp

Mô tả học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp như đòn bẩy, thẩm định dự án đầu tư, chi phí sử dụng vốn, kế hoạch hóa tài chính, tình trạng sát nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp. Từ kiến thức tổng quan, kết quả đồ án thể hiện khả năng liên hệ, đánh giá, lựa chọn, nhận diện và dự đoán các vấn đề tài chính doanh nghiệp của sinh viên đối với thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp thiết lập với mục tiêu sinh viên **vận dụng** kiến thức tài chính trong doanh nghiệp. Từ đó, **triển khai** xử lý các vấn đề tài chính doanh nghiệp và **giải quyết** các vấn đề tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	Áp dụng đòn bẩy kinh tế và chi phí sử dụng các nguồn tài trợ vốn
CLO1.2	Xây dựng các phương pháp thẩm định tài chính dự án
CLO1.3	Xây dựng nội dung kế hoạch hóa tài chính
CLO1.4	Minh họa hoạt động sát nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp
CLO2.1	Xác định hiệu quả các vấn đề về đòn bẩy kinh tế và chi phí sử dụng các nguồn tài trợ vốn
CLO2.2	Hoàn thiện và giải quyết có hiệu quả các phương pháp thẩm định tài chính dự án
CLO2.3	Xác định kế hoạch hóa tài chính
CLO2.4	Sắp xếp, chọn lựa khi xác định giá trị doanh nghiệp trong các tình huống sát nhập, hợp nhất, phá sản theo nhóm và thuyết trình
CLO3.1	Vận dụng kiến thức để xây dựng đòn bẩy kinh tế, chi phí sử dụng vốn
CLO3.2	Tổng hợp và phân tích tình hình kinh tế để đề xuất các kế hoạch tài chính và dự án đầu tư doanh nghiệp

29. FIN30004: Thị trường tài chính

Mô tả học phần:

Thị trường tài chính là học phần cơ sở ngành dùng cho các ngành kế toán, quản trị kinh doanh và tài chính ngân hàng, được giảng dạy vào học kỳ VI trong chương trình đào tạo. Môn học cung cấp các kiến thức về thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Thông qua đó, giúp sinh viên hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin và phân tích về thị trường tài chính; sử dụng các công cụ của thị trường để đầu tư tài chính.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức của thị trường tài chính để giải quyết các tình huống trên thị trường tài chính. Thông qua đó thực hiện đánh giá cơ hội đầu tư trên thị trường tài chính nhằm gia tăng hiệu quả tài chính

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích xu hướng phát triển thị trường tài chính
CLO1.2	Sử dụng các công cụ và các giao dịch trên thị trường tài chính
CLO1.3	Vận dụng các phương pháp phân tích, phương thức phát hành chứng khoán.
CLO2.1	Giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến thị trường tài chính
CLO2.2	Thực hành đầu tư trên thị trường tập trung và thị trường phi tập trung
CLO3.1	Thực hiện thảo luận nhóm và giao tiếp hiệu quả.
CLO4.1	Đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trên thị trường tài chính.

30. FIN30012: Tài chính công

Mô tả học phần

Tài chính công là học phần thuộc nhóm tự chọn, được giảng dạy ở kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần này cung cấp kiến thức về lý luận về tài chính công và các nghiệp vụ quản lý tài chính tài chính công như khái niệm, đặc điểm, vai trò, cơ cấu và nội dung các khoản thu chi tài chính công; tổ chức chu trình quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN. Từ đó, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp, hình thành và phát triển năng lực xây dựng và thực hiện các vấn đề về quản lý tài chính công trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần tài chính công sinh viên có thể vận dụng được kiến thức về tài chính công cùng với kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức để thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài chính công trong bối cảnh hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	K4	Xác định được nội dung hoạt động tài chính công
CLO1.2	K4	Vận dụng được các khâu của chu trình quản lý NSNN
CLO1.3	K4	Lựa chọn phương thức và công cụ trong điều hành cân đối NSNN
CLO1.4	K4	Minh họa nội dung quản lý các quỹ ngoài NSNN
CLO2.1	S3	Có kỹ năng nghiên cứu các tài liệu, định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính công
CLO3.1	C4	Phân tích được tác động của tài chính công đến công bằng xã hội và hiệu quả kinh tế
CLO 3.2	C4	Thực hiện được các nghiệp vụ về quản lý tài chính công

31. FIN30015: Tài chính công ty đa quốc gia

Mô tả học phần

Tài chính Công ty đa quốc gia được giảng dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Môn học Tài chính Công ty đa quốc gia cung cấp những kiến thức chuyên sâu về hoạt động đầu tư nước ngoài, quản trị rủi ro tỷ giá, hoạt động chuyển giá, cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của Công ty đa quốc gia. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng nắm bắt bối cảnh xã hội doanh nghiệp, kỹ năng xây dựng và cải tiến hoạt động tài chính, kỹ năng giao tiếp để giải quyết các vấn đề tài chính trong công ty đa quốc gia.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên hệ thống hóa được kiến thức về tài chính công ty đa quốc gia, có thể liên hệ và phân tích thực tiễn về tài chính trong công ty đa quốc gia, tư duy đánh giá và cải tiến hoạt động tài chính tại các công ty này.

Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	K4	Khái quát quá trình hành và phát triển của công ty đa quốc gia
CLO1.2	S4	Liên hệ hoạt động tài chính tại công ty đa quốc gia
CLO2.1	K4	Nhận diện hoạt động đầu tư quốc tế
CLO2.2	S4	Liên hệ hoạt động đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp
CLO2.3	C4	Phác thảo các rủi ro và phương án phòng hộ rủi ro tỷ giá
CLO3.1	K4	Khái quát hóa quá trình dịch chuyển vốn của công ty đa quốc gia.
CLO3.2	K4	Nhận diện hoạt động chuyển giá của công ty đa quốc gia.
CLO4.1	C4	Tính toán chi phí sử dụng vốn của Công ty đa quốc gia
CLO4.2	C4	Phân tích cấu trúc vốn của Công ty đa quốc gia.

32. FIN30013: Tài chính quốc tế

Mô tả học phần

Tài chính quốc tế là học phần tự chọn được giảng dạy ở kỳ 6, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần này cung cấp những kiến thức thuộc phạm vi tài chính quốc tế cả ở góc độ vi mô và vĩ mô. Bao gồm các nội dung về tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế của các tổ chức kinh tế, tài chính công ty đa quốc gia, tài trợ quốc tế của chính phủ, thuế quan và liên minh thuế quan. Ngoài ra học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức từ đó có năng lực thực hiện các nghiệp vụ tài chính quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

Mục tiêu học phần

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng **vận dụng** được kiến thức về hoạt động tài chính quốc tế cùng với **kỹ năng** nghiên cứu tài liệu và khám phá để **triển khai** thực hiện các nghiệp vụ tài chính quốc tế trong thực tế trong bối cảnh hiện nay

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Xác định được các yếu tố cấu thành tài chính quốc tế trong nền kinh tế mở

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.2	Áp dụng các phương pháp để xác định tỷ giá hối đoái và hạch toán cân cân thanh toán quốc tế
CLO1.3	Lựa chọn phương án trong đầu tư và tài trợ quốc tế
CLO1.4	Xác định được tác động của thuế quan đối với các nền kinh tế
CLO2.1	Có kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính quốc tế
CLO3.1	Phân tích chính sách của Nhà nước về tỷ giá, thuế quan đến hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hiện nay
CLO 3.2	Thực hiện được các nghiệp vụ về đầu tư và tài trợ quốc tế trong thực tiễn

33. FOL10002: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu học phần

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

Mục tiêu học phần (COs)

CO1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

CO2: Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CO3: Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Giải thích được</i> nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh
CLO1.2	<i>Giải thích được</i> định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.
CLO2.1	<i>Bồi dưỡng được</i> bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.
CLO2.2	<i>Rèn luyện được</i> kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.

34. FIN31004: Dịch vụ ngân hàng hiện đại

Mô tả học phần:

Dịch vụ ngân hàng hiện đại là học phần bắt buộc, được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên chuyên ngành ngân hàng thương mại. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dịch vụ ngân hàng hiện đại. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn và thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp cũng như công bằng và trách nhiệm xã hội trong việc giải quyết các vấn đề của dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Mục tiêu học phần:

Học xong học phần, sinh viên có thể: Liên hệ được đặc trưng, nội dung, quy trình các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn; Phân tích được đặc trưng, nội dung, quy trình của các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại để thực hiện đồ án; Thực hiện hiệu quả hoạt động nhóm và cách thức giao tiếp; Thể hiện được đạo đức, trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp, tính công bằng trong quá trình học tập và làm đồ án.

Chuẩn đầu ra học phần:

Các chuẩn đầu ra học phần	
CDR	Nội dung CDR học phần
CLO1.1	<i>Làm sáng tỏ</i> đặc trưng, nội dung, quy trình của các dịch vụ ngân hàng hiện đại
CLO1.2	<i>Liên hệ</i> đặc trưng, nội dung, quy trình của các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn

CLO2.1	<i>Xác định các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở.</i>
CLO2.2	<i>Phân tích đặc trưng, nội dung, quy trình của các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở.</i>
CLO2.3	<i>Thiết kế dịch vụ ngân hàng hiện đại mới.</i>
CLO3.1	<i>Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm đồ án.</i>
CLO3.2	<i>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội trong quá trình học tập và làm đồ án.</i>
CLO4.1	<i>Thực hiện thành lập và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả</i>
CLO4.2	<i>Trình bày báo cáo đồ án một cách thuyết phục và có logic</i>

35. FIN30008: Kế toán ngân hàng

Mô tả học phần: Kế toán ngân hàng là học phần bắt buộc, được dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên chuyên ngành ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về kế toán ngân hàng và các nghiệp vụ kế toán ngân hàng cơ bản là kế toán huy động vốn, kế toán tín dụng, kế toán thanh toán. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các nghiệp vụ kế toán ngân hàng trong thực tiễn và thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế và đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.

Mục tiêu học phần:

Học xong học phần kế toán ngân hàng, sinh viên có thể: Vận dụng được các vấn đề của kế toán ngân hàng; Triển khai được các nghiệp vụ kế toán ngân hàng tại NHTM; Thể hiện được tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế và đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.

CDR	Nội dung CDR học phần
CLO1.1	<i>Làm sáng tỏ những vấn đề chung của kế toán ngân hàng</i>
CLO1.2	<i>Sử dụng kế toán các nghiệp vụ ngân hàng</i>
CLO2.1	<i>Liên hệ những vấn đề chung của kế toán ngân hàng trong thực tiễn</i>
CLO2.2	<i>Thực hiện kế toán các nghiệp vụ ngân hàng trong thực tiễn</i>
CLO3.1	<i>Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.</i>
CLO3.2	<i>Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.</i>

36. FIN30003: Thanh toán quốc tế

Mô tả học phần

Thanh toán quốc tế là học phần chuyên ngành được dạy ở kì VII dành cho sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng. Môn học cung cấp các kiến thức liên quan lĩnh vực thanh toán quốc tế trong ngân hàng thương mại. Giúp sinh viên hình thành ý tưởng và xây dựng các hoạt động thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại gắn liền với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần thanh toán quốc tế sinh viên có khả năng thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong ngân hàng thương mại; có tư duy hệ thống và giao tiếp hiệu quả.

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	Sử dụng các phương tiện thanh toán quốc tế
CLO1.2	Vận dụng các phương thức thanh toán quốc tế
CLO2.1	Thể hiện hành xử chuyên nghiệp trong thanh toán quốc tế
CLO3.1	Thực hiện giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện
CLO4.1	Nắm bắt các quy định của Nhà nước và các vấn đề mang tính thời sự về lĩnh vực thanh toán quốc tế.
CLO4.2	Xây dựng quy trình thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại
CLO4.3	Triển khai nghiệp vụ thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại
CLO4.4	Thực hiện quản lý thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại

37. FIN31016: Tài chính doanh nghiệp hiện đại

Mô tả học phần

Tài chính doanh nghiệp hiện đại là học phần bắt buộc được giảng dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hoạt động tài chính doanh nghiệp, xây dựng kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp; có khả năng tổ chức làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả; từ đó phác thảo các đề xuất nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp hiện đại giúp sinh viên liên hệ kiến thức về hoạt động tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn. Phân tích được các vấn đề liên

quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp, từ đó phác thảo các đề xuất nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn và tổ chức hoạt động nhóm phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	<i>Tính toán</i> các loại thuế của doanh nghiệp
CLO1.2	<i>Xây dựng</i> các báo cáo tài chính của doanh nghiệp
CLO1.3	<i>Áp dụng</i> thành thạo các hàm tài chính
CLO1.4	<i>Tính toán</i> các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp
CLO1.5	<i>Nhận diện</i> được các vấn đề về hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO1.6	<i>Đánh giá</i> được các vấn đề về hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO2.1	<i>Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ</i> phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO2.2	<i>Thể hiện</i> tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế
CLO3.1	<i>Thực hiện</i> thành lập nhóm
CLO3.2	<i>Tổ chức</i> phân công nhiệm vụ, triển khai thực hiện phân tích các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO3.3	<i>Phát triển và lãnh đạo</i> nhóm
CLO3.4	<i>Diễn dịch</i> được nội dung của các báo cáo tài chính bằng tiếng Anh
CLO4.1	<i>Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá</i> các tình huống thực tiễn phát sinh trong hoạt động tài chính doanh nghiệp.

38. FIN30017: Bảo hiểm

Mô tả học phần

Học phần Bảo hiểm được dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần bao gồm hệ thống lý luận cơ bản về bảo hiểm, kinh doanh bảo hiểm. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận dụng, phân tích và giải quyết các vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

Học phần Bảo hiểm thiết lập với mục tiêu sinh viên **vận dụng** kiến thức về bảo hiểm. Từ đó, **chọn lọc** nhận định và thuyết trình có hiệu quả các vấn đề liên quan đến bảo hiểm và **nhận diện** các vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	<i>Áp dụng</i> các kiến thức cơ bản về bảo hiểm
CLO1.2	<i>Áp dụng</i> pháp luật về kinh doanh bảo hiểm
CLO1.3	<i>Minh họa</i> nội dung đại lý bảo hiểm
CLO1.4	<i>Minh họa</i> chính sách tuân thủ của bảo hiểm
CLO2.1	<i>Vận dụng linh hoạt</i> kỹ năng giao tiếp khi giải quyết các vấn đề về bảo hiểm
CLO3.1	<i>Phân tích</i> các vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn
CLO3.2	<i>Nhận diện và cải tiến</i> các hình thức bảo hiểm phù hợp với từng hoạt động

39. FIN30011: Phân tích và đầu tư tài chính

Mô tả học phần

Phân tích và đầu tư tài chính là học phần bắt buộc được giảng dạy vào kỳ 7, dành cho sinh viên chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực trong lĩnh vực phân tích và đầu tư tài chính. Ngoài ra, học phần còn giúp người học thành tạo các kỹ năng phức tạp để có thể phân tích, nhận diện và giải quyết được các vấn đề thuộc lĩnh vực phân tích và đầu tư tài chính trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần

Học phần Phân tích và đầu tư tài chính nhằm giúp sinh viên có thể phân tích các kiến thức cơ bản về đầu tư tài chính; thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của hoạt động đầu tư tài chính; thành thạo kỹ năng tư duy và giải quyết hiệu quả các vấn đề về phân tích và đầu tư tài chính; có năng lực đưa ra ý tưởng, thực hiện, đồng thời có thể đánh giá và cải tiến các hoạt động phân tích và đầu tư tài chính.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Phân tích kiến thức cơ bản về hoạt động phân tích và đầu tư tài chính
CLO2.1	Thành thạo kỹ năng giải quyết hiệu quả hoạt động phân tích và đầu tư tài chính
CLO2.2	Thành thạo kỹ năng tư duy trong phân tích và đầu tư tài chính
CLO3.1	Chấp nhận giá trị phẩm chất kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro và sự phức tạp của hoạt động đầu tư tài chính
CLO4.1	Phân tích hình thành ý tưởng trong phân tích và đầu tư tài chính
CLO4.2	Phân tích thực hiện hoạt động đầu tư tài chính
CLO4.3	Phân tích đánh giá và cải tiến hoạt động phân tích và đầu tư tài chính

40. FIN20003: Thực hành doanh nghiệp mô phỏng

Mô tả học phần:

Thực hành doanh nghiệp mô phỏng là học phần bắt buộc được giảng dạy trong học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Kế toán và học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kinh tế đầu tư. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chức danh nghề nghiệp phổ biến tại các doanh nghiệp hiện nay và thực hành nghiệp vụ, kỹ năng của các chức danh đó trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên sau khi hoàn thành xong học phần có thể mô tả được công việc của các vị trí chức danh ở doanh nghiệp, ngân hàng; rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng, kỹ năng khám phá tài liệu và tri thức; thực hiện quản trị nhóm hiệu quả; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh đó trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Mô tả công việc của chức danh trong ngành tài chính - ngân hàng
CLO1.2	Mô tả công việc của chức danh trong ngành quản trị kinh doanh
CLO 1.3	Mô tả công việc của chức danh trong ngành kế toán
CLO1.4	Mô tả công việc của chức danh trong ngành kinh tế đầu tư
CLO2.1	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề , kỹ năng tư

	duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực tài chính ngân hàng
CLO2.2	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề , kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực quản trị kinh doanh
CLO2.3	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề , kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực kế toán
CLO2.4	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề , kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực kinh tế đầu tư
CLO3.1	Thực hiện thành lập nhóm
CLO3.2	Tổ chức hoạt động nhóm
CLO3.3	Phát triển và lãnh đạo nhóm
CLO4.1	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn
CLO4.2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh vực quản trị kinh doanh trong thực tiễn
CLO4.3	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh vực kế toán trong thực tiễn
CLO4.4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh vực kinh tế đầu tư trong thực tiễn

41. FIN30009: Kinh doanh chứng khoán

Mô tả học phần

Kinh doanh chứng khoán là học phần tự chọn được giảng dạy vào kỳ 7, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán như nghiệp vụ môi giới chứng khoán, nghiệp vụ tự doanh và tư vấn, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán. Ngoài ra, học phần còn giúp người học thành tạo các kỹ năng phức tạp để có thể phân tích, nhận diện và giải quyết được các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh chứng khoán trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần

Học phần Kinh doanh chứng khoán nhằm giúp sinh viên có thể phân tích các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; chấp nhận giá trị đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán; thành thạo kỹ năng quản lý các nguồn lực và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh chứng khoán; có năng lực phân tích bối cảnh thực tiễn để đưa ra ý tưởng, xây dựng và thực hiện, đồng thời có thể đánh giá và cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Phân tích kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO2.1	Thành thạo kỹ năng quản lý các nguồn lực để thực hiện kinh doanh chứng khoán hiệu quả.
CLO2.2	Thành thạo kỹ năng giao tiếp và các hình thức giao tiếp để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO3.1	Chấp nhận giá trị đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán.
CLO4.1	Phân tích được bối cảnh thực tiễn để đưa ra ý tưởng trong kinh doanh chứng khoán
CLO4.2	Áp dụng các mục tiêu, chiến lược trong kinh doanh chứng khoán
CLO4.3	Phân tích hình thành ý tưởng kinh doanh chứng khoán
CLO4.4	Phân tích xây dựng nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO4.5	Phân tích thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO4.6	Phân tích đánh giá và cải tiến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

42. FIN30006: Đề án Tài chính - Tiền tệ

FIN30006: Học phần Đề án Tài chính tiền tệ

Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên: Khả năng Tổng quát hóa các vấn đề về tài chính tiền tệ, kỹ năng khảo sát thực tế, phân tích vấn đề, kiểm chứng giả thuyết về lĩnh vực tài chính tiền tệ, từ đó xây dựng và cải tiến các vấn đề thuộc tài chính tiền tệ trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần: Nhân diện các vấn đề về tài chính tiền tệ **Liên hệ** các vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn và **Xây dựng** các biện pháp cải tiến vấn đề thuộc tài chính tiền tệ

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CDR (2)
CLO 1.1	Khái quát hóa các vấn đề về tài chính tiền tệ
CLO 1.2	Nhân diện các vấn đề tài chính tiền tệ
CLO 2.1	Thu thập thông tin, số liệu về các vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn
CLO 2.2	Phân tích vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn
CLO 2.3	Phát hiện các tác động của vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn
CLO 3.1	Xây dựng biện pháp cải tiến về các đề tài chính tiền tệ
CLO 3.2	Thực hiện thuyết trình các vấn đề về tài chính tiền tệ

43. FIN30010: Ngân hàng trung ương

Mô tả học phần

Ngân hàng trung ương là học phần bắt buộc được giảng dạy ở Kỳ 7, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương; thể hiện kỹ năng tư duy, quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề của ngân hàng trung ương; đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ trong từng giai đoạn (bối cảnh) nhất định.

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần
CLO1.1	Lựa chọn được mục tiêu chính sách tiền tệ phù hợp
CLO1.2	Phân tích ưu nhược điểm của các công cụ chính sách tiền tệ
CLO1.3	Liên hệ các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương các nước
CLO2.1	Thể hiện kỹ năng tư duy hệ thống trong giải quyết vấn đề của ngân hàng trung ương
CLO2.2	Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết

	vấn đề của ngân hàng trung ương
CLO3.1	Hình thành ý tưởng các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ trong bối cảnh nhất định
CLO3.2	Đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong thực tế

44. FIN31014: Thực tập và Đồ án tốt nghiệp

Mô tả học phần

Ngân hàng trung ương là học phần bắt buộc được giảng dạy ở Kỳ 7, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình;
- Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình;
- Trách nhiệm của Bộ môn/khoa/viện/trường
- Trách nhiệm của giảng viên
- Trách nhiệm của sinh viên

Chương trình giáo dục đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy định số 2294/ĐT ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh cụ thể hoá một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Công văn 9404/BGDĐT-GDDH và Bảng tổng hợp kết quả rà soát của Bộ Giáo dục và Đào tạo các chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh.

- Kế hoạch số 1610/ĐHV-ĐT ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.

- Quyết định số 3242/QĐ-ĐHV ngày 29/09/2014 của Trường Đại học Vinh ban hành về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Quyết định số 1002/QĐ - ĐHV của Trường Đại học Vinh ban hành về chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Kế toán.

- Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh.

- Quyết định số 747/QĐ - ĐHV ngày 27/04/2017 Trường Đại học Vinh đã ban hành về chương trình dạy học đại học hệ chính quy được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng, nội dung chương trình dạy học tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.

- Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.

CTĐT ngành Kế toán được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm với 8 học kì, khối lượng là 125 tín chỉ, trong đó có 09 tín chỉ tự chọn, tỉ lệ khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 75%, kiến thức chuyên ngành chiếm 25% khối lượng chương trình.

Để có thể xây dựng được chuẩn đầu ra CTĐT tiếp cận CDIO, Bộ môn Kế toán đã họp, thảo luận lấy ý kiến và tiếp thu các ý kiến xây dựng, góp ý từ Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa. Kể từ năm 2017, ngành đã bổ sung các CDR của chương trình đào tạo phù hợp với các trụ cột của CDIO cũng như phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đảm bảo tính cập nhật những vấn đề thời sự, những yêu cầu mới nhất của thị trường lao động, giúp xây dựng các mục tiêu và chuẩn đầu ra, khung năng lực CTĐT thay thế cho các CTĐT trước đó. Để hình thành chuẩn đầu ra, khung năng lực cho cử nhân ngành Kế toán, nhà trường đã xây dựng hội đồng tư vấn chương trình đào tạo, bao gồm các cán bộ quản lý, giảng viên bộ môn có thâm niên, đại diện các doanh nghiệp có liên quan giúp sức trong việc điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện CTĐT ngành Kế toán.

5.1. Trách nhiệm của Khoa/Trường

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm; câu lạc bộ Tài chính, các chương trình rèn nghề, các chương trình hỗ trợ đào tạo của các tổ chức đào tạo nghề nghiệp quốc tế để trang bị thêm nhiều kỹ năng và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

- Hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm đầu đại học.

5.2. Trách nhiệm của giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Thiết kế các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động

NCKH sinh viên, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập ngành kế toán hướng tới mục tiêu hình thành ở người học các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp sinh viên hiểu, phân tích được tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo trong dạy học.

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

5.3. Trách nhiệm của sinh viên

- Chủ động lên kế hoạch học tập, tham gia các chương trình Khoa và bộ môn tổ chức để hiểu hơn về các môn học và phát triển năng lực. Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng và đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.


GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Hải Yến	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	- Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế - Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Thực hành doanh nghiệp mô phỏng
2	Lương Thị Quỳnh Mai	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Nhập môn ngành Kinh tế - Học phần Kinh tế quốc tế - Học phần Thống kê kinh tế
3	Nguyễn Xuân Bình	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	- Học phần Tiếng Anh 1
4	Nguyễn Thị Lam Giang	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	- Học phần Tiếng Anh 1
5	Trần Xuân Sang	Giảng viên	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2013	- Học phần Tin học ứng dụng
6	Lê Văn Thành	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Tin học ứng dụng
7	Trần Đức Thành	Giảng viên	PGS.Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Toán cho các nhà kinh tế
8	Vũ Thị Hồng Thanh	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	- Học phần Toán cho các nhà kinh tế
9	Trần Viết Quang	Giảng viên	PGS.Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	- Học phần Triết học Mác - Lênin - Học phần Kinh tế chính trị

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
				Mác Lê nin - Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học
10	Nguyễn Văn Sang	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	- Học phần Triết học Mác - Lê nin - Học phần Kinh tế chính trị Mác Lê nin - Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học
11	Trần Thị Thanh Tâm	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế
12	Nguyễn Văn Quỳnh	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Thống kê kinh tế - Học phần Kinh tế vĩ mô - Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế - Học phần Thực hành doanh nghiệp mô phỏng
13	Nguyễn Thanh Diệu	Giảng viên	PGS.Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	- Học phần Xác suất - thống kê và toán kinh tế
14	Nguyễn Văn Quang	Giảng viên	Tiến sĩ, Đức, 2016	- Học phần Xác suất - thống kê và toán kinh tế
15	Phan Văn Tuấn	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	- Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh
16	Bùi Thị Cần	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh
17	Phan Thị Hương	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Tiếng Anh 2

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
18	Nguyễn Thị Hiền Lương	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	- Học phần Tiếng Anh 2
19	Nguyễn Văn Trung	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	- Học phần Lịch sử Đảng CSVN
20	Trần Cao Nguyên	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Lịch sử Đảng CSVN
21	Trần Thị Hồng Lam	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Kinh tế vĩ mô
22	Trần Thị Lê Na	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	- Học phần Marketing căn bản - Học phần Quản trị học
23	Trần Quang Bách	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	- Học phần Quản trị học
24	Phạm Thị Huyền Sang	Giảng viên	Thạc sĩ, Anh Quốc, 2014	- Học phần Luật kinh tế
25	Hồ Thị Duyên	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Luật kinh tế
26	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Thống kê kinh tế - Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế
27	Nguyễn Thế Lân	Giảng viên	Thạc sĩ, Nhật Bản, 2016	- Học phần Thống kê kinh tế - Học phần Kinh tế quốc tế
28	Nguyễn Thị Thu Cúc	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
29	Hoàng Thị Việt	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ - Tài chính quốc tế - Thanh toán quốc tế
30	Hoàng Thị Thuý Vân	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế - Học phần Văn hoá kinh doanh
31	Hoàng Thị Cẩm Thương	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Văn hoá kinh doanh - Học phần Marketing căn bản
32	Hồ Thị Diệu Ánh	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Quản trị doanh nghiệp - Học phần Văn hoá kinh doanh - Học phần Quản trị học
33	Trần Thị Hoàng Mai	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Kinh tế quốc tế - Học phần Quản lý nhà nước về Kinh tế
34	Nguyễn Thị Minh Phượng	Giảng viên	PGS. Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Kinh tế vĩ mô
35	Lê Vũ Sao Mai	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	- Học phần Lập dự án đầu tư - Học phần Thực hành DN mô phỏng
36	Đặng Thành Cương	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	- Học phần Quản trị tài chính - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính doanh nghiệp hiện đại
37	Nguyễn Thị Anh Giang	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Học phần Quản trị tài chính - Tài chính công ty đa quốc gia

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
38	Trần Thị Lưu Tâm	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	- Học phần Thị trường tài chính - Thanh toán quốc tế - Tài chính quốc tế
39	Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ - Học phần Thị trường tài chính - Phân tích và đầu tư tài chính
40	Trịnh Thị Hằng	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Bảo hiểm - Tài chính doanh nghiệp hiện đại
41	Bành Thị Thảo		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Ngân hàng trung ương - Thực hành doanh nghiệp mô phỏng - Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp
42	Nguyễn Thanh Huyền		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp - Lý thuyết tài chính tiền tệ
43	Nguyễn Đình Tiến		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Tín dụng ngân hàng - Dịch vụ ngân hàng hiện đại - Thực tập tốt nghiệp
44	Hoàng Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	- Kế toán ngân hàng - Dịch vụ ngân hàng hiện đại - Thực tập tốt nghiệp
45	Đoàn Thị Ngọc Hân		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	- Quản trị tài chính - Bảo hiểm - Tài chính doanh nghiệp
46	Nguyễn Thị Yến		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	- Lý thuyết tài chính tiền tệ - Dịch vụ ngân hàng hiện đại - Tín dụng ngân hàng

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
1	Phòng học	282
2	Phòng học có máy chiếu	192
3	Phòng học tiếng nước ngoài	8
4	Phòng học máy tính	18
5	Phòng học có kết nối trực tuyến	57
6	Phòng học online	16
7	Phòng thực hành thí nghiệm	76
8	Phòng làm việc	68
9	Phòng seminar và sinh hoạt bộ môn	Mỗi khoa có 1 phòng
10	Phòng họp	Có 2 phòng họp lớn
11	Hội trường	1 hội trường lớn
12	Thư viện	1 toà nhà 7 tầng
	<i>Thư viện điện tử</i>	<i>Có hệ thống thư viện điện tử</i>
	<i>Hệ thống mượn sách tự động</i>	<i>Có hệ thống mượn sách tự động</i>
	<i>Phòng học</i>	<i>6</i>
	<i>Hội trường</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng máy tính</i>	<i>3</i>
	<i>Kho sách</i>	<i>9</i>
	<i>Phòng đọc</i>	<i>6</i>
	<i>Chỗ ngồi</i>	<i>2000</i>
	<i>Giáo trình</i>	<i>26.000 với 200.000 bản</i>
	<i>Tạp chí</i>	<i>129 loại</i>
	<i>Luận án và luận văn</i>	<i>16.500</i>
	<i>Tài liệu, giáo trình điện tử</i>	<i>16.000</i>
	<i>Bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến</i>	<i>5</i>
13	Trung tâm đào tạo Ngân hàng, Chứng khoán và doanh nghiệp mô phỏng	1
14	Hệ thống công nghệ thông tin dùng cho quản lý	Có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho quản lý e-office, CMC, LMS
15	Máy vi tính để bàn	1.046
	<i>Máy tính phục vụ giảng dạy</i>	<i>716</i>
	<i>Máy tính phục vụ công tác quản lý</i>	<i>330</i>

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
16	Máy tính xách tay	Trang bị cho cán bộ quản lý và Tiến sĩ
17	Kí túc xá với căng tin và nhà ăn	Có
18	Hệ thống sân thể dục thể thao	
	Sân bóng chuyền	6
	Sân bóng đá mini	6
	Sân bóng đá lớn	1
	Sân thể thao phụ	Nhiều sân với tổng diện tích 35.000 m ²
	Nhà thi đấu đa năng	1 nhà thi đấu với 1.000 chỗ ngồi
19	Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng - An ninh	1
20	Phòng y tế	1 nhà gồm nhiều phòng làm việc đảm bảo sức khoẻ cho cán bộ, sinh viên

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phân kỳ	1.1			1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2		3.3		4.1		4.2								
				1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4					
1	ECO21001	Nhập môn ngành kinh tế	1				K3						S2			S2	A2			S2	S2		S2	S2				K2	C3	C3	C3	C3				
2	LAW20003	Luật kinh tế	1																																	
3	ENG10001	Tiếng Anh 1	1					K3					S2				A2	A2						S2												
4	INF22001	Tin học nhóm ngành kinh tế	1				K3							S2			A2						S2													
5	MAT20004	Toán cho các nhà kinh tế	1				K3							S2			A2																			
6	ECO20003	Kinh tế vi mô	2					K3					S2				A2												K3							
7	POL11001	Triết học Mác Lênin	2											S2			A2																			
8	ACC21001	Nguyên lý kế toán	2										S2			S2	A2	A2																		
9	ENG10002	Tiếng Anh 2	2																					S3	S2											
10	MAT20007	Xác suất - Thống kê và Toán kinh tế	2											S2																						
11	ECO20012	Kinh tế vi mô	3										S2				A2												K3							
12	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	3											S2			A2																			
13	BUA20001	Marketing căn bản	3											S2	S2		A2							S2									C3	C3	C3	
14	ECO20016	Kinh tế quốc	3										S2	S2			A2																			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phân kỳ	1.1			1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2		3.3		4.1		4.2								
				1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4					
		tế																																		
15	FIN20001	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3						K3			S2	S2														K3									
16	BUA30002	Quản trị học	4						K3			S2			S2	A2											K3	K3								
17	BUA20002	Quản lý nhà nước về kinh tế	4				K3		K3				S2				A3					S2				K3										
18	ACC21002	Phân tích hoạt động kinh doanh	4						K3			S2	S2	S2																						
19	FIN30001	Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp	4							K3		S3			S2		A3																C3	C3		
20	ECO20018	Thống kê kinh tế	4			K3	K3					S2				A3						S2				K3	K3									
21	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	K3									S3																							
22	BUA20003	Văn hóa kinh doanh	5						K3							A3	A3					S3	S3			K3	K3									
23	ECO21023	Lập dự án đầu tư	5					K4				S3			S3	A3						S3					K3									
24	ACC30001	Hệ thống thuế Việt Nam	5						K4			S3	S3				A3					S3														
25	FIN20002	Quản trị tài chính	5						K4			S3			S3	A3												K3								
26	POL10003	Lịch sử đảng CSVN	5	K3									S3				A3																			
27	FIN31005	Tín dụng ngân hàng	5								K4	S3					A4					S3			S3						C4	C4	C4	C3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phân kỳ	1.1			1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2		3.3		4.1		4.2						
				1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4			
28	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	6	K3									S3			A3																		
29	FIN30004	Thị trường tài chính	6						K4				S3			A3			S3			S3				K3								
30	ACC30003	Tài chính doanh nghiệp	6							K4			S3		S3											S3				C4	C4	C4	C3	
31	Tự chọn 1																																	
31,1	FIN30013	Tài chính quốc tế	6							K4			S3													K3								
31,2	FIN30012	Tài chính công	6							K4			S3													K3								
31,3	FIN30015	Tài chính công ty đa quốc gia	6							K4			S4																					
Kiến thức chuyên ngành																																		
Chuyên ngành: Ngân hàng thương mại																																		
32	FIN30007	Dịch vụ ngân hàng hiện đại	6			K4					K4					A4	A4	S4	S4	S4	S4					S3			C4	C4	C4	C4		
33	FIN30003	Thanh toán quốc tế	6								K4					A4									S3	K4								
34	FIN30008	Kế toán ngân hàng	6								K4				A4	A4																		
Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp																																		
32	FIN30016	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	7			K4				K4				S4	A4				S4	S4	S4					S3			C4	C4	C4	C4		
33	FIN30017	Bảo hiểm	7							K4	K4										S4	S4												
34	FIN30011	Phân tích và đầu tư tài	7							K4		S4	S4		A4										S3									

